

KỶ-NIỆM
NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

SỐ ĐẶC BIỆT
26 JUIN 1948

NAM KỶ

Trần Lạc

Giám đốc: HỒ-VĂN-TRUNG



Trai thòt trung hiếu lâm đầu
Gái thòi tiết-hạnh là câu trau mình.

tiểu sử CỤ

SHON
JOURNAL
18

CÁCH nay đúng một trăm năm.

Năm Thiên-Tri thứ ba, Quý-mão (1843).

Trước hai bộ đại-triều-phục của Chánh-chủ-khảo Phan-sĩ và Phó-chủ-khảo Nguyễn-quốc-Hoan, Vinh-long An-sát-sĩ. Ông lo xa rộng to danh sách 15 vị Cử-nhơn tại trường Gia-dinh. Bao nhiêu người đi đó giờ phút ấy đều chăm chú nhìn mặt vị Giải-nguyên họ Phan tên Văn-Trung, người huyện Ngãi-an, về làng Linh-chiều. (1)

Rồi bao nhiêu cử tử không có cái hân-hạnh được « dạ », sau tiếng truyền-lô của tiền đội-lễ như 15 vị Cử-nhơn kia, lại chen nhau dò băng yết ở cửa trường xem tên mình may có được ghi chăng ở khoảng Tú-tài.

Và bao nhiêu Cử, Tú khoa này ngày một lu mờ tên tuổi đến không còn ai nhắc đến nữa, nếu chẳng có một người như Đỗ-trình-Thoại, sanh trường tại Gò-công, đỗ Cử-nhơn thứ 7 dưới Pháp thường viết là Huyện Toại), còn một vị Tú-tài danh nổi hơn Đỗ-trình-Thoại, sinh đây khắp Bắc-Trung-Nam, không phải chỉ ở miệng thế truyền nhau mà ở chỉ-du của triều-dinh và ở sách vở của người nước.

Người này là người mà chúng ta đương thành-tâm chiêm bái hoặc bèn cõ-mộ tại làng An-dực (Batri), hoặc bằng lối tượng-tượng.

Người này là cụ Nguyễn-dinh-Chiều, tác-giả « Lục-Văn-Tiên », bản truyện mà trước đây chỉ được nhìn ở chỗ :

Trai thời trung hiếu làm đầu,

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.

(Lục-Văn-Tiên)

Nguyễn-dinh-Chiều ! Cái tên ấy bắt từ ở ngày nay là nhờ bản truyện Lục-Văn-Tiên, nhưng hơn 70 năm về trước là nhờ mấy bài văn-lễ nghĩa-sĩ trận vong ở sáu tỉnh Nam-kỳ.

Nguyễn-dinh-Chiều ! Cái người mà hôm nay ai nấy đều được tỏ lòng tưởng nhớ là người làng Tân-khánh, huyện Bình-dương. (2)

Thân sanh là Nguyễn-dinh-Huy hiệu Dương-minh-phủ, sanh ngày 29 tháng Chạp năm Nhâm-tí (1793).

Cứ theo « Nguyễn-chi gia-phả » là tập gia-phả của họ Nguyễn-dinh (do Nguyễn-dinh-Huy hiệu chánh và Nguyễn-dinh-Chiều toàn lập, có bài tựa viết năm Tự-đức thứ 6, 1853) thì Cao-đô của Huy là Nguyễn-dinh-Hiến có vợ ở làng Phú-ninh, Tăng-lô là Văn-thang, có vợ ở Gia-miêu ngoại trang (3). Tô là Văn có vợ ở xã Thượng-an ; Cha là Văn cũng có vợ ở Thượng-an.

Huyện Ngãi-an thì nay là vùng Thủ-đức. Sách « Hương khoa-lục » chép Mỹ-an là lầm, vì chữ Nghi viết cả ở chỗ Mỹ-giang nhơn.
Nay là vùng Saigon — Bà mẹ của Cụ là người làng Tân-thới, nhưng trong đạo công văn của Đỗ-quang thì để « Quán Tân-khánh », vậy có lẽ Cụ sanh trường tại Tân-khánh hoặc thê tịch Tân-khánh. (Hoy là Tân-khánh là Tân-thới sau nhập làm một).
Thuộc địa Thanh-hóa (Gia-phả chép là « Nha-miêu »). Có lẽ là này di cư vào đây.

Viên Sĩ CỤ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

C

ÁCH nay đúng một trăm năm.

Năm Thiên-Tri thứ ba, Quý-mão (1843).

Trước hai bộ đại-triều-phục của Chánh-chủ-khảo Phan-Trước, Bình-định Bồ-chánh-sư và Phó-chủ-khảo Nguyễn-quốc-Hoan, Vinh-tông An-sát-sư, viên đội-lệ quay loa xướng to danh sách 15 vị Cử-nhơn tại trường Gia-đình. Bao nhiêu người ở tại đó giờ phút ấy đều chăm chú nhìn mắt vị Giải-nguyên họ Phan tên Văn-Trang, người huyện Ngãi-an, về làng Linh-châu. (1)

Rồi bao nhiêu cử tử không có cái hân-hạnh được « đạ », sau tiếng truyền-lô của viên đội-lệ như 15 vị Cử-nhơn kia, lại chen nhau dò băng yết ở cửa trường xem tên mình may có được ghi chẳng ở khoảng Tú-tài.

Và bao nhiêu Cử, Tú khoa này ngày một lu mờ tên tuổi đến không còn ai nhắc đến nữa, nếu chẳng có một người như Đỗ-trình-Thọai, sanh trưởng tại Gò-công, đỗ Cử-nhơn thứ 7 dưới Pháp (thường viết là Huyện Thọai), còn một vị Tú-tài danh nổi hơn Đỗ-trình-Thọai, anh đây khắp Bắc-Trung-Nam, không phải chỉ ở miệng thế truyền nhau mà ở chỉ-dụ của triều-đình và ở sách vở của người nước.

Người này là người mà chúng ta đương thành-tâm chiêm bái hoặc bèn cõ-mộ tại làng An-dực (Batri), hoặc bâng lồi tưởng-tượng.

Người này là cụ Nguyễn-đình-Chiêu, tác-giả « Lục-Vân-Tiên », bôn truyện mà trước đây chỉ đặt mình ở chỗ :

Trai thời trung hiếu làm đầu,

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.

(Lục-Vân-Tiên)

**

Nguyễn-đình-Chiêu ! Cái tên ấy bắt từ ở ngày nay là nhờ bôn truyện Lục-Vân-Tiên, nhưng hơn 70 năm về trước là nhờ mấy bài văn-lễ nghĩa-sĩ trận vong ở sáu tỉnh Nam-kỳ.

Nguyễn-đình-Chiêu ! Cái người mà hôm nay ai nấy đều được tỏ lòng tưởng nhớ là người làng Tân-khánh, huyện Bình-dương. (2)

Thân sanh là Nguyễn-đình-Huy hiệu Dương-minh-phủ, sanh ngày 29 tháng Chạp năm Nhâm-tí (1793).

Cứ theo « Nguyễn-chi gia-phả » là tập gia-phả của họ Nguyễn-đình (do Nguyễn-đình-Huy hiệu chánh và Nguyễn-đình-Chiêu toàn lập, có bài tựa viết năm Tự-Đức thứ 6, 1853) thì Cao-đô của Huy là Nguyễn-đình-Hiến có vợ ở làng Phú-ninh, Tăng-tô là Khang, có vợ ở Gia-miêu ngoại trang (3). Tô là Văn có vợ ở xã Thượng-an ; Cha là anh cũng có vợ ở Thượng-an.

Huyện Ngãi-an thì nay là vùng Thủ-đức. Sách « Hương khoa-lục » chép Mỹ-an là lầm, vì chữ Ngãi viết cệ và chữ Mỹ giống nhau.
Nay là vùng Saigon — Bà mẹ của Cụ là người làng Tân-thới, nhưng trong đạo công văn của Đỗ-quang thì đã « Quán Tân-khánh » ; vậy có lẽ Cụ sanh trưởng tại Tân-khánh hoặc thổ tịch Tân-khánh. (Hoy là Tân-khánh và Tân-thới sau nhập làm một).
Thuộc địa Thanh-hóa (Gia-phả chép là « Nha-miêu »). Có lẽ bà này di cư vào đây.

Gia-phò không chép rõ họ Nguyễn-dinh ở về làng nào, nhưng thấy tương ứng với người Thương-an. Rất may là về Nguyễn-dinh-Vân, gia-phò chép rằng sau khi mất (là táng tại Nàng-hoang-xã (?), đến năm Tự-Đức thứ 16, "đi làng về Đu-xã Già Trại-phương". Có lẽ địa danh Già-Trại ở về xã Bồ-diễn, giáp với Thương-an và Phù-ninh thuộc Phòng-diễn-huyện, Thuận-thiên-linh. Vậy họ này ở xã Bồ-diễn.

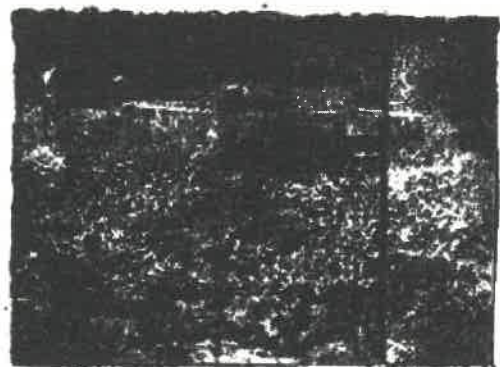
Nguyễn-dinh-Huy có vợ ở Nội-xã (tức Bồ-diễn) tên Phan-thị-Huyền và sinh được một trai tên Lân với một gái tên Thu.

Sau tháng chết nghĩa, Huy được bổ làm Thư-lại ở Vạn-hàn-tử tại Từ-quần-dinh.

Năm Canh-thìn (1820), Tả-quân Quận-công Lê-vân-Duyệt phụng chỉ vào trấn Gia-dinh thành. Viên Thư-lại Huy phải theo như Đồng-nai với quan Tổng-trấn. Vào đây Huy có cưới người vợ khác tên Trương-thị-Thiết ở làng Tân-thời (Saigon).

Ngày 13 tháng 5, năm Nhâm-ngũ (1822, Minh-mạng 3), vào lúc giờ Dậu, bà Trương sanh trai đầu lòng là Nguyễn-dinh-Chiêu. Rồi Chiêu lại có các em: Thi-Thue (sanh năm 1825), Thi-Nữ (1827), Thi-Thành (?), Đinh-Tỵ (1837), Đinh-Tỵ (1839) và Đinh-Huân (1841).

Đến tháng 5, năm Quý-tí (1833), Nguyễn-dinh-Chiêu bằng phải bỏ học ngồi nhà vì Lê-vân-Khôi nổi lên chiếm cứ thành Phan-an mà xưng húng xưng bá. Các quan lớn nhà tại Saigon hoặc bị chém giết, hoặc theo bè với Khôi, hoặc theo ẩn-nấp ở Trung-kỳ hay trốn về Trung-kỳ.



Ảnh Nguyễn-dinh-Chiêu

Bị giết thì yên thân, theo giặc thì sợ ngày binh-dinh, trốn được thì bị lột hết phẩm-hàm, mang thêm tội-vạ.

Thư-lại Nguyễn-dinh-Huy thì thuộc hạng trốn được nên bị cách chức, nhưng chẳng phải tội-dính gì vì là quan nhỏ và là quan nhỏ.

Nghe bấy giờ Nguyễn-dinh-Chiêu đã trộm đi, gặp lúc Nam-kỳ đương buổi loạn lỵ, làm sao khỏi lữ bề học tập, Huy bèn cáo rãn bãi mặt lên vào Đồng-Nai đem Chiêu về Kinh.

Sau lúc "hồng-kỳ báo tiếp" (1), Huy không còn làm quan nên lui trở vào Gia-dinh.

Theo lời ông Nguyễn-dinh-Chiêm (con trai cụ Đồ, qua đời năm 1935) thì Nguyễn-dinh-Chiêu học tập tại Huế tám năm. Vậy vào khoảng 1840, Chiêu trú về Saigon ngày đêm nấu sớ xát kính để chờ ứng thí.

Rồi trước trường Giám-dinh năm Quý-mão (1843), cách nay đúng một trăm năm, trên hồ-bảng ở khoảng trường Tú-tài có nêu rõ họ tên Nguyễn-dinh-Chiêu.

Đã 22 tuổi, trót mang tiếng dĩnh ngộ thông minh, hơn mười năm đèn sách công-trình mà chữ Đồ Tú-tài, Nguyễn-dinh-Chiêu sao được hỏi lòng. Dầu tuổi đã lớn, dầu có chỗ đứng hóm, ông Tú Chiêu cũng không lo bề gia thất, cố xin cha mẹ cho trở ra Thừa-thiên để ở gần thầy học, ở chỗ nhiều sách mà rón ơn nhũn kính sữ hầu giúp cho được thân Cổ-nhơn để được đi thi Hội, để được đi xa nữa. Ông ra đi năm 25 tuổi, có đem theo, để tay chọn, người em thơ bấy tên Nguyễn-dinh-Tỵ mới vừa mười cói xuân-xanh.

(Coi tiếp qua trang 39)

(1) Sau khi bị được thành Phan-an, Gia-dinh thì thân cho người cầm cờ đi trên đê năm chỗ. Thâu phục Phan-an thành, tất có đem ngày phi ngựa về kinh báo tiếp.

IGHIA Cuộc lễ kỷ niệm Nguyễn-dinh-Chiêu

...kia ở đất nước này, khi người...
...còn đang lo sắp đặt cuộc trị an...
...còn chưa vững chãi, mỗi dân sách...
...không có gì, từ phần nữa Trung-...
...ho Nam, một quyển sách đã được...
...trong dân gian, được tôn thờ...
...hoan-nghĩnh như một vật, cũng như...
...nữa Trung-kỳ trở về Bắc, người ta...
...trung quốc, ở Đôn-tơ-rông lần...
...của Nguyễn-Du vậy. Quyển sách ấy...
...tập thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn-...
...tục thường gọi cụ Đồ Chiêu, vì...
...Tú-tài đời vua Thiệu-Trì.

Nguyễn-Du và Nguyễn-dinh-Chiêu, hai...
...thần, hai thi-sĩ, đều có ảnh-hương xa...
...trong xã-hội Việt-Nam. Năm 1921, hội...
...ở Hà-nội đã tổ chức một cuộc lễ rất...
...để kỷ-niệm Nguyễn-Du và từ đó...
...lễ kỷ-niệm này được lập lại nhiều...
...trung thân thể và khí-tiết của Nguyễn-...
...vẫn phải âm-thầm trong bóng tối...
...một khoảng thời-gian rất dài của đời...
...đi qua trong một bóng tối khác. Đồ...
...Đu hải-mãn, chờ không phải là một...
...của riêng người Nam-kỳ và của...
...Nam-Việt.

Kỷ-niệm tác-giả Lục-Vân-Tiên số...
...nước, đời-chờ, để-dặt chỉ vì hai...
...nhất thuộc về vấn-đề chánh-trị...
...lấy của cụ Đồ không phải ở...
...xảo-diệu như Nguyễn-Du mà ở...
...thanh-cao, tâm-hồn khoáng-khải...
...tâm-hồn đó, dầu ở nước nào...
...đều được ca-tụng, kính-mộ...
...khuyến-khen. Vì thế, ta không lấy làm...
...vào khoảng 1881, ông Michel...
...chợ, cha-tiêu Bến-tre, vàng-linh Chánh-...
...Pháp, tìm đến nhà cụ Đồ để hỏi thăm...
...Cử-chỉ cao-nhã ấy rất là tự-...
...tốt một nước như nước Pháp xưa

...đời sản xuất kiệt-bạo anh-hùng báo-kết...
...Ngay như mới đây, trong chúng ta chưa nhiều...
...người còn nhớ một cái tin dữ dội từ Paris...
...truyền sang, tin của một vị bác-sĩ tự từ giữa...
...khí-quần Đức cũn-rò kòa vào kinh đô nước...
...Pháp. Vị bác-sĩ này, học trung-thâm kinh, kỹ...
...là hai nhàu vạt của hai loại đại, lực dân-bộ...
...hai phương trời, nhưng nơi đến khi-tiết thì...
...vẫn là một. Hạng người cao-dang không thể...
...nào cảm-lòng rung-dong trước những cử-chỉ...
...thanh-cao.

Bằng cớ ở thái-độ đó của Chánh-phủ, đáng...
...lễ người Việt-Nam có thể tổ-chức cuộc lễ...
...kỷ-niệm cụ Đồ Chiêu từ lâu rồi. Nhưng ma...
...từ lâu rồi, người có ý tổ-chức vẫn ở ngoài...
...kỷ-niệm một danh-nhơn có khi là tổ-lòng...
...biết ơn đối với một công-nghiệp hiện-hạch...
...có khi là tổ-lòng kính-mộ đối với một khi-tiết...
...cao-siêu đáng nêu gương cho hậu-thế. Công-...
...nghiệp cụ Đồ để lại cho đời là một vài tập...
...thơ và ít nhiều lá-thơ sự ước mồi luận-lý...
...Khí-tiết của cụ thi-Chánh-phủ đã biết rõ và...
...kính-mến. Cho đến nhiều tr-chợa người...
...Pháp cũng cử-động quyền-tiền để giúp em...
...trong cảnh tàn-khổ buổi văn-niên. Tuy vậy...
...nỗi e ngại của người hậu-tâm vẫn không quá...
...đáng vì biết đâu chẳng có người sẽ hiểu lầm...
...mà gán cho cuộc lễ một ý-nghĩa xa-lạ không...
...đâu.

Về phương diện xã-hội, cuộc lễ còn gặp...
...một trở-lực khác nữa. Đã một đờ, người nước...
...ta say-sưa chủ-nghĩa xã-hội đến nỗi những...
...cái gì qui-hậu trong tinh-thần cổ-hữu của nơi...
...giống cũng đều bị khinh-thường tất cả. Luân-...
...lý Khổng-Mạnh bị mặt sãi đến điếu. Trong...
...số người mặt sãi, ta thấy những kẻ trước kia...
...đã ra vào nơi sân-Trình của Khổng. Mà tiết-...
...thảo của cụ Đồ há chẳng phải rỏn-đục ra ở

lò đạo-lý của Khổng-Manh ư ? Ông giáo-chủ của đạo Nho đã b công-kích, thì một môn đồ của đạo Nho, lại là một môn-đồ bất-dịch-chí, chỉ biết gởi tâm-sự của mình vào mấy lời thơ suông, còn có giá-trị bao nhiêu ? Tình trạng xã-hội về đ, do, đối với cuộc lễ thiết là không thuận-liện chút nào.

Nhưng, với cuộc cách mạng quốc-gia, linh thể khác hẳn, dầu về phương-diện gì cũng vậy. Lòng ái-quốc chơn-chánh, sáng suốt, trở thành một điều kiện cần-thiết cho công việc phục-hưng. Các giá-trị về tinh-thần tạo nên tâm-hồn riêng-biệt của một chủng-tộc đều được bao-tồn, kính-trọng. Những đức tánh qui báu là n căn-bản cho hạng người cao-đẳng thấy được chăm-nom vua-quén. Cụ Khổng không còn là một ông lão già-dối, bày ra một thứ luân-lý cay-nghiệt để trôi buộc bọn nông nô. Người ta đã hiểu nhiều hơn, sâu hơn, đạo lý nhà Nho, đã nhận-chân được ít nhiều bổn-ngã và giá-trị của mình. Cũng như loài cây cối muốn mạnh mẽ xanh-tươi thì phải chắm rễ sâu xuống dưới đất để hút lấy các khí-chất bổ-dưỡng, thanh-niên Việt-Nam hiện nay đang lo xới lại các lớp dĩ-vãng trong lịch-sử hầu tìm lấy nguồn sức-lực đời-dào, cần thiết cho sự sanh-tồn của một dòng-giống.

Vì vậy, tổ-chức lễ kỷ-niệm các bậc danh-nhơn là một việc kịp thời phải lúc, vừa đúng với tinh-thần của cuộc cách-mạng quốc-gia, vừa hợp với nguyện-vọng của toàn dân Nam-Việt. Riêng về đất Nam-kỳ, một cõi mới thành lập trong bầu đò nước ta, những bậc danh-nhơn nảy sinh trên đất này có thể chia ra làm hai lớp. Một lớp sản-xuất rất nhiều trong thời kỳ bô-há của vua Gia-Long. Lớp này, phần đông đều có đến thơ, có bia kỷ-niệm. Bia đầu đã bị rêu phong, đền đầu đã đầy nhện đong, nhưng dấu củ hảy còn thì công việc trùng-tu cũng có phần dễ.

Đến lớp sau, xuất hiện nhưn cuộc đung-chạm không thể tránh được giữa nước Pháp và nước Nam, lớp kỷ này đã thuộc về hạng người của lịch-sử, tuy cách ta chỉ trong vòng một thế kỷ, nhưng ta rất khó mà tru-tâm tài-

liệu, di-tích của họ. Tuy nói rằng khó đó không phải là một cái cơ đề cho ta chi. Trại lại là phải hơn. Hôm nay chúng ta làm lễ kỷ-niệm cụ Đồ Chiểu. Hôm chúng tôi sẽ tổ chức lễ kỷ-niệm một nhơn khác nữa, nếu công việc tru-tâm của chúng tôi có được ít nhiều kết-qua

Nhưng dầu kỷ-niệm ai ai, ý-nghĩa của kỷ-niệm cũng bất ngoại ý muốn tỏ lòng trọng những đức tánh qui báu trong đấng người mà họ là tiêu-hiệu. Cụ Đồ Chiểu người con hiếu, một bậc tối trung, dân hết lòng với nước, và tinh cơ một thợ trong những tay thợ đầu tiên xây nên móng cho lâu-dài quốc-văn tỏ ra xứng đáng với danh-hiệu « con người » thể ngừng lên không bỏ với trời, chỉ xuống không thẹn với đất. Theo như lời Mạnh-Dữ bậc đại-trượng-phu là người mà « phú bất năng dảm, bần tiện bất năng di, quý bất năng khuất » thì cụ Đồ của chúng ta hẳn hoi là một bậc đại-trượng-phu vậy. Đạo-lạc người của cụ chẳng những là một tấm gương sáng của nước Nam, mà thiết-tưởng đem đ dưới trời nào, trên cõi đất nào, lấm gương ấy vẫn sáng rõ.

TRÚC HÀ

Trong Ủy-ban Phan-thanh-Giễn

Tự' thuật

Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần,
Biết ai thiên-tử, biết ai thần?
Nhạc Thiều tiếng dùi khôn tróng phụng,
Sách Lễ biến rời khó thấy lân.
Khỏe mãi Hi-Di trời Ngã-Quí,
Mỏi lòng Gia-Cát đất tam phân.
Công danh chi nữa, án rồi ngủ,
Mặc tưng cao-dây xử với dân.

Nguyễn-đình-Chiêu.



Người ấy, chúng ta có.
Người ấy, một thi-sĩ mà
Người ấy, ông đồ Nguyễn-đình-Chiêu.

ĐƯỢC chập vào một phòng triển-lãm mỹ-thuật, đứng giữa phòng, đưa con mắt nhìn phía, nhìn những bức họa, bức bình-hoàn sẽ thấy đủ các màu sắc của thiên-nhiên. Những màu sắc ấy, nhờ mỹ-thuật đã vẽ lên con mắt thân vào trí não, rồi dùng các màu vẽ, dùng các tài, dụng-hoa tạo lập ra những tranh vẽ, khiến người coi, ngắm cái tranh tạo, đem lòng yêu mến cảnh thiên-nhiên muôn vật, mà chẳng quên yếu củ tài-nhiên mỹ-thuật.

Đôi tâm nhiều cuộc trưng bày về mỹ-thuật, tôi hiem rằng nhà mỹ-thuật tuy đã khéo lựa những cái thừa trong cảnh vật mà chỉ chọn vẽ lấy những cái vừa đủ để tạo nên một cảnh vật, nhưng đến các màu sắc thì tôi ít thấy nhà mỹ-thuật tạo-bạo.

Chỉ bức tranh vẽ bình-minh, khi chiều trời g nê, lúc trăng rọi dịu gành, những bức vẽ về ny-nhân có đôi mắt mơ màng, hay năm thân, xoắn lóc trong lớp màn « tuyền », đều miêu người ra chuộng.

Ái đp của thiên nhiên phải chăng đẹp vào tranh tối, tranh sáng, mập mờ.

Đã ai gan vẽ một cảnh trưa hè trên bãi cát? Vì những cảnh lúc mặt trời chói lọi, nhà thơ đã khéo cho ánh sáng xuyên qua khe cửa, vàng ửng để ánh sáng ấy vờn những đ trời sáng khác.

Chơi lợi, phải chăng nó làm quáng mắt mỹ-thuật hay hết thấy mọi người.

Thơ ánh sáng lại là tất cả. U tối là tế lạnh và Vạn vật, muôn loài.

Nhìn bức thủy-mặc mưa phùn trước rừng lau, ngắm cảnh mùa đông, cảnh cây trơ khốc một lần trời mây vẫn, âm u, một nỗi buồn mác đã thoáng qua trong tâm-trí.

Đến cái tịch-mịch, âm-u của những đêm trăng, không sao, thì nó tế lạnh làm đ tôi nhớ nhà mỹ-thuật nào tạo ra được một cảnh thanh tuyệt-mỹ.

U tối nó đã mở đôi mắt nhà mỹ-thuật. Tôi coi hai con mắt nhà mỹ-thuật lại, rồi mới ấy trước những cảnh huy-hoàng, rực rỡ của Hòa-công, nếu người ấy tạo ra được một cảnh mà người đời phải yêu, phải thích, thì người ấy phải có một kỹ-tài.

Một thanh-niên mới hai mươi sáu cái xuân xanh, đang thời bay nhảy, bao năm lao-đao nơi sân Trích, cửa Khổng, những mong ngày kia, cũng may gặp hội, để đến ơn cứu-độc, trả nợ non sông, thì thanh-ôi, đành đứng một cái, danh đã lỡ làng vì vai mang chữ Hiếu, rồi kể đó, thân lại đeo thêm một cổ-lạt, khiến bốn mươi năm trời, chịu sống trong cảnh u-tối mù-mờ.

Hai mắt ngọc đầu còn vẽ long lanh mà thân nhập những cảnh sắc rực-rỡ của Hòa-công. Những ngày chói lọi, muốn màu ngũ sắc nó cũng chỉ là những cảnh u-tối, chiều hôm. Ngày buồn tanh, đêm trống rỗng, « thuyên hồn chờ một khoảng không » rồi với cuộc đời sóng gió bên tai, nó chỉ làm cho nỗi hi-ai càng thêm nặng chiu.

Ôi! mới hai mươi sáu cái xuân xanh, mà đã già trong tâm-sự. Ông tiếc cho thân-thể, cái thân-thể đã hạn với tang hồng; ông tiếc đời xuân không bao giờ trở lại.

« Cây cỏ ngời ngời nước giếng đong,
Chấn xuân dần hơ? Có hay không? »

Ngước mắt trông lên, chỉ thấy đen sì một bóng. Đường đi không biết, lối lại thì không, trên non xuống dốc, ai người giúp đỡ! Cái cảnh:

« Mây giăng ai bắc, mong tìm nhạn,
Ngày xé non nam, ỉt bóng hồng? »

thật là ngao ngán; phận ông Trời cho, tưởng đến những đau lòng!

Tình đã như thế, cảnh đã như thế; vậy mà ông đã đem những ngày không hoa, không chim, đem chút xuân tàn tạ trong lòng mà tạo ra được những lời nói, câu văn, truyền tụng khắp non sông, ghi lại cho hậu thế, thì phải chăng ông đã có một lòng kiên-nhẫn phi thường với một tài ba lỗi lạc.

Đọc văn Nguyễn-đình-Chiêu, có người nói: « ta sẽ thấy những chữ bơ-thờ, lạc-lẽo, sống sượng, lung tung, vụng về ».

Tôi, thì tôi nói : văn Nguyễn-dinh-Chiều không màu sắc.

Nói không màu sắc cũng không đúng. Tiên-sanh chỉ dùng những màu tương-tượng và phần nhiều những màu khó-khán, héo úa.

Thì đây :

« Vườn luống trồng dưa, hoa ú-đột.
Rặng ruộng sâu chú, lúa khô khan

hoặc :

« Đá lều rêu mọc bia Dương-Nhiếp,
Cỏ úa hoa tàn má Lý-Làng ».

Bảo rằng những luật của thơ Đường nó ép ường chỉ đúng có mười bốn chữ trong hai câu 5, nếu màu tươi, sắc thắm không nảy ra trên thơ từ-tuyệt, bít cổ, là sai. Thì ta lấy ngay một vài tỷ dụ ở các nhà văn khác.

Hai câu của bà huyện Thanh-Quan sau đây, thật là một bức tranh đơn sơ mà tuyệt mỹ :

« Xanh om cỏ thụ trên zoe tức,
Trắng xóa tầng giang phẳng lặng ».

ta muốn những màu rực-rỡ ư? Tôi lại phải nhờ đến nhà thơ Nguyễn-công-Trứ :

« Liều tía, đào hương, mai trắng trắng,
Lúa tươi, huệ tốt, lá xanh xanh ».

Nhưng bình sanh, Nguyễn-dinh-Chiều làm thơ thất ngôn tả cảnh, vậy ta thử kiểm trong thơ lục bát là lối số-trường của tiên-sanh, xem có bằng những màu rực-rỡ.

Một cảnh, tiên-sanh đã kể là « cảnh xinh như vẽ, người tươi như đời » mà tiên sanh

- Buồn trông dặm liễu đường học.
- Tiếng chim gọi bầy, tiếng ve kêu dục.
- Buồn trông non nước một màu.
- Sông quanh quẩn khúc, núi chông-chốt cao.
- Thất tình lên xuống trái hoa.
- Trên cành chim hót, dưới nước cá bơi ».

(Trích Lục-Vân-Tiền)

thì thật chừng tôi chẳng thấy cái xinh, cái tươi ở chỗ nào cả.

Trong một đêm trăng mờ, có lẽ nó hợp với tâm-hồn tiên-sinh, thì những cái mờ-mờ, tối-tối nó thoát ra được một cách dễ dàng :

- Hai bên bờ bụi quai.
- Đêm khuya vắng vẻ sự thì tiếng mõ.
- Tiếng chuông chuông ở bờ xa.
- Có đàn chim chim mờ-mờ đi theo.
- Qua sông thì lại vào đèo.
- Về lâu về sớm, để lâu nào nắng ».

(Trích Lục-Vân-Tiền)

Nhưng đến cái cảnh sau đây, đầu tiên-sinh có cố dùng sức tương-tượng mà tả ra, nó cũng vẫn bẽ-g-phẳng ư-tối. Các màu tươi thắm vẫn không sao bật nổi lên được.

Một cổ miếu bên đường, trước có đàn ngựa mà lại dưới một ngày trời nắng, thì biết là màu sắc. Thế mà tiên sinh đã viết :

« Thấy tòa cổ miếu bên đường,
Cây cao bóng mát, vách trong phàn phàn,
Cành nhàu tránh nắng hươu cỏ,
Trước sân thấy cỏ một lối hìn-ừn,
Mặt hồ sen nở lửa bên,
Hoa đua nở nhụy, hoa chen tím tím ».

(Trích Dương-Tử Hà-Mã)

Một cảnh nửa đàng lê nõ phải lộng-lầy ngựa, nó phải tương-bình rực-rỡ, thế mà với văn Nguyễn-dinh-Chiều nó lại tả ngát, « lộng lầy ». Cảnh ấy, cảnh đực Không-Tử đi Ngọc-Hoàng-Thương-Đế :

Phủ đầu trên chôn tỳ lâu,
Nói ba tiếng sấm, nhém châu các cung.
Áo xiêm đai mào, lệnh hồng.
Tinh quân các vị, rùng rùng tới nơi.
Thấy đi có tám thế bài,
Đờ rằng Không-Tử đại tạt thánh vương.
Ngồi trung kiển* ngọc thì cũng,
Một ông Không-Tử dung nhan tốt lành.

(Trích Dương-Tử Hà-Mã)

Những bức tranh mà Nguyễn-dinh-Chiều vẽ ra bằng lời thơ đó, chỉ là những bức tủy mực mà tác-giả đã trưng bày sẵn một tấm ảnh thừa.

Ta không thể trách được nhà văn ấy mà ta cũng không thể lấy đấy mà giáng tội người của thi-nhân.

Bạc suốt cuốn Lục-vân-Tiền, ta phải hiểu cái khéo của tác-giả. Mỗi khi cần phải tả một cảnh thiên nhiên, tiên sinh vì cố lặt của mình cái lặt nó làm cho tiên sinh trở nên vướng víu tiên-sinh chỉ như nhà họa-sĩ, dùng mấy nét phác đơn sơ, tạo nên một bức tranh có hình có bóng, còn màu sắc tiên-sinh để người đọc mặc sức điềm-tò. Những cảnh ấy nó chỉ hiện trong một vài câu, rồi những hoạt-động của nhân-vật trong cảnh nó bật hẳn lên, chiếm phần quan trọng, che kín những phong-cảnh chung quanh.

Văn Nguyễn-dinh-Chiều không có những màu sắc tương-bình, nhưng trái lại, có những nhạc-diệu rất phong-phú, cái nhạc-diệu thì luật thừa-trừ của tạo-hóa mà nảy ra.

Hai con mắt đã mù, thì hai lỗ tai phải thính. Một nhà họa-sĩ Nhứt-hồn chẳng lẽ sau cũng đui hai con mắt như thi-sĩ Nguyễn-dinh-Chiều chúng ta mà lại đeo thêm

(Coi tiếp qua trang 4)

Nguyễn-dinh Chiểu y-sĩ

LỤC-y-học Thái-tây chưa tràn lan sang đất Việt, chỉ nhà vua có thầy thuốc riêng, với các chức ngự-y, để săn-sóc mình rồng và hoàng tộc. Khi long thể hơi trầm-trọng, ngoài những ngự-y, những bực danh-sĩ cận-thân cũng được triệu vô cung chẩn mạch, lấy lễ rằng đó là một bực danh-nhân văn-học thì môn y-lý cũng phải thông-trường.

Một nhà thơ trong hoàng tộc triều Nguyễn ta, Tuy-Lý-Vương, nhà thơ mà đực Tự-Đức đã để hết lời khen ngợi trong hai câu :

« Văn như Sưu, Quát, và tiền Hán
Thi đạo Tạng, Tuy, bất bình Đường ».

trại mấy triều vua, vẫn được triệu vô nội trước khi long thể bằng hà.

Chẳng phải vin vào lễ đó, chẳng phải dựa vào cái tú-tài của « ông đồ » mà lời đàm dật một đầu đề : Nguyễn-dinh-Chiều, y-sĩ.

Tôi cố dùng hai chữ y-sĩ, chứ không dùng hai chữ « ông lang » vì trong cái xã hội Việt-Nam lúc ấy, mà cả ngay bây giờ, thiếu gì những ông « lang thang vô vụ ».

Nguyễn-dinh-Chiều là một nhà y-sĩ có học, mà học y-lý một cách uyên thâm.

Cái cố-lặt của tiên-sinh, đành rằng là số mạng, nhưng trong cái óc hăng-hái của một thanh niên mới hai mươi sáu cái xuân xanh, biết đâu tiên-sinh chẳng ngờ cả tài năng của những thầy thuốc đã săn sóc cho tiên-sinh trong cơn bệnh-hoạn. Cái tâm tưởng ấy, ta đã thấy dễ trong một nhân-vật chuyện Lục-vân-Tiền : Triệu-Ngàng. Thầy khoe thầy giỏi thầy hay mà rất cuộc, đời mắt của Văn-Tiền vẫn mù và mấy mươi lang-bạc đã nặng láng tạng túi thầy trò họ Lục.

« Sợ tôi đau khổ chết chôn chôn
Đời tin một một đời nghe tôi làm,
Tiền là của chữa hơn tiền,
Mình về sự việc một đăm heo hơn
Thương đời, tiền mất lại còn... »

Bao cái cố-lặt ấy, tiên-sinh còn bỏ nghị-lực, tìm đến một ngự-y, nhận làm môn-đệ Hoàng-Kỳ, theo học. Phải, biết đâu trong thành-

kinh, một khoa thần bí chẳng nảy nở để giúp mình trị bệnh mình, mà không thể chẳng nữa thì cái thán mà kia cũng còn giúp ích được đôi chút cho người đồng chung.

Tiên-sinh học thuốc, không phải học một cách sơ sài, trái lại, tiên-sinh đã để rất nhiều tâm-lực. Trong một bài thơ viết cho người em, ông Nguyễn-dinh-Tự, tiên-sinh căn dặn :

« Dược trị dân, chứ không trị thi ».

thế dù rõ, tiên sinh rất quan tâm đến môn học của mình và rất trọng mạng người dân ốm.

Không phải tôi đã dựa vào một cái viên vông mà nói ra những lời ấy.

Trong y-học thái tây, khi nào học hết nội thương, ngoại binh mới học khoa vệ-sanh, khoa nó dạy người ngửa bệnh tật.

Tôi đã tiếp nhiều vị danh-y về nam dược, bắc dược. Các ngài có khoa trị bệnh mà không có khoa phòng binh. Với Nguyễn-dinh-Chiều, tôi đã sống sót, khi đọc hết thiên « Bắc-dương » :

Người xưa, ăn ở thật thì,
Lé ai dân cứu tham hoa quả mình,
Vấn không làm quấy hoặc hình,
Nấu là nấu bệnh mới tinh học dân,
Thiên-niên hai chữ trọn dân
Vấn chúng tâm tửu mới nhập y quí,
.....
Người nay ăn ở khác bề,
Rượu dấm trong bụng, ăn thì hóa thì,
No say rồi lả dạ lang,
Đốt trong khi huyết dịch chảy thì
.....
Cứu đau lấy bằng ăn y,
Bốn năm mười tuổi chết đi cũng đời.

(Trích Lục-Vân-Tiền)

Những qui-tắc về mục vệ-sanh ăn uống, những cách bài trừ nạn hoả-liều, những cách phòng ngừa bệnh lao, tôi đã thấy giải rất một cách sơ khai trong mấy câu lục bát gọn lỏn.

Thì ra Nguyễn-dinh-Chiều khi « nhập môn Đạo Hoàng-Kỳ, đã quen với Linh-khư, Tổ-vấn, Vạn-kinh là những bản gốc của Đông-y, mà ngày nay nhiều thầy thuốc bắc không biết đến tên, tựa chỉ là nơi đến nghĩa của nó.»

Nguyễn-dinh-Chiêu lại học cả khoa đờ để thực hành nữa ! Không vậy sao tiên-sinh lại có thể kể tội được những bà mẹ dốt nát, hại bao nhiêu trẻ con ra ọt khỏi lòng.

Đào thai đã đi h ngày 10.
Mười tháng chưa đủ phải chờ mới đẻ.
Vợ người chuyên bụng đẻ rần.
Mẹ bà chẳng biết nhớ quá tháng ngày.
Lên giường cỡi cả 10 tay.
Rằng ta tên bụng cho quý đầu ra.

Coi rồi chẳng thấy là với.
Khẩn kại hết thuốc giện đời cho mau.

Bà người cấp rần lưm nhau để đùa.
Hai tay bóp bụng đẩy ra.

Khốn con trong bụng chẳng an.
Ngột mình sờ phải tìm đung đặng ra.
Lấy quây chưa kịp họ ra.
Mẹ bà tay chộp kéo ra vợ, vâng.

(Trích Dương Tử Hi Mạo)

Nhân nói chuyện về y-học tôi xin phép ch một chỗ sai lầm của Nguyễn-dinh-Chiêu nó là một điều sai lầm của cả đồng-y trong thời ấy.

Chỉ tin ở chữ thuật của lễ trời, Nguyễn-dinh-Chiêu không dè đến chữ nghịch nó là những cái eo le, khe nứt của sự đời cũng như của khoa học.

Theo tiên-sinh thì đưa trẻ trong bụng, trời sanh ra lúc nào cũng thuận.

Và nó phải sinh đẻ an.
Cả cho ai ngựa, ai ngựa bao giờ.
Bà thay đã dịnh ngày giờ.
Mười tháng chưa đủ phải chờ mới đẻ.

Không. Với sự tiến bộ của khoa học, với sự kinh nghiệm hằng ngày của chúng tôi, tôi xin phép cãi: có người đẻ ngược, đẻ ngang. Với khoa mổ xẻ, với những cái cấp, cái kim, với những phép dạy nuôi những hải-nhĩ sanh thiếu tháng, chúng tôi đã giúp nhiều trẻ, trông thấy ánh sáng mặt trời, rồi sống mà sống lâu nữa.

Nhưng Nguyễn-dinh-Chiêu có một cái tài. Những cái khổ khốn ở sách mà lại là sách thuốc, dịch ra nào có dễ gì, thế mà tiên-sinh đã dùng một lối văn bình giản, diễn tả một cách lưu loát, gọn gàng.

Cũng ở trong thiên Bảo-dương, hai câu :

Ta nghe thành ngữ hễ ma.
Đau hay của thuốc, chỉ bằng ngứa đầu.

thật đã gồm hết những chứng, tiết, bao nhiêu qui-tắc của khoa vệ-sinh, của khoa phòng-bệnh.

Còn câu nào dịch hơn câu ngo-nữ-pháp "Mieux vaut prévenir que guérir" thì cũng tôi thường lấy làm đầu đề khi cần phải giảng những phép vệ-sinh cho công chúng.

Nguyễn-dinh-Chiêu là người thứ nhất trong văn-giới Việt-Nam, đã lấy giấy litan tạc đem nổi chệch khoa học với văn-chương. Đem cái văn giản dị, thông thường, đem lời thơ đa-dương đủ cảm mà diễn giải những ý tưởng về khoa học mà nhất là y-học, tôi cho không phải là việc dễ. Ta phải nên nhận xét chỗ đó mà biết cái tài, cái công của tác-giả.

Nếu các ngài cho phép tôi lấy y-lý của Thái-lây mà xét đoán Nguyễn-dinh-Chiêu, thì tôi nói tiên-sinh là một nhà y-sĩ hoàn toàn. Tôi đã có dịp nói : khoa trị bệnh là một khoa rất khó, rất khó. Nhà y-sĩ chỗ này phải dùng hết tài năng, phải dùng mỹ-thuật và tinh thần mỹ-thuật mà thực hành thì mới có thể gọi được là một nhà y-sĩ.

Vậy ta thử xét cái y-thuật của Nguyễn-dinh-Chiêu ra sao ?

Trước hết Nguyễn-dinh-Chiêu đã bước vào y-lâm với một lòng quả quyết, với một hừng chí :

Trời đặng thì gọi giờ mua dây.
Đau óm lòng đau cơ có thấy.
Phương cả "Vim tôi" giờ trước mặt
Mạng nay giờ trẻ gọi trong tay.
Trẻ đó tên quá còn gọi đầu.
Binh pháp năm mươi sáu có cây.
Hỏi hạ y-lâm, ai muốn hỏi ?
Đẻ xưa, bấn cả có ta đây ?

Xem vậy thì tiên-sanh tin ở tài mình lắm lắm.

Tự nguyện làm một y-sanh, tiên-sinh viết rằng mình đã đặt đề vào nơi mình một hi vọng của người đau ốm.

Đau ốm là bệnh gì có thấy ?

mà bên cái hi-vọng của xã-hội người đau, tiên-sinh cũng biết còn một hồn phách rất to tát :

Mạng nay giờ trẻ gọi trong tay ?

Tự nguyện ra tay giảm cái đau, cái khổ cho loài người, tiên-sinh đã hiểu hết cả cái thiêng liêng của y-thuật, cái y-thuật cao-sâu, cái y-thuật nó vượt cả mỹ-thuật.

Phải. Đem sợi chỉ thêu một bức tranh lý-phấn sơn vẽ một người mỹ-nữ, cầm ngo, hát với một bài thơ, đẹp thì ta phải trong, xấu

thì ta xoà bỏ. Nhưng đã dùng đến con dao cùn, đã nhúng tay vào hồ-thuốc, đã biết hạ bút kẻ một cái tone nhà y-sĩ không thể nói : người này chết, ta trị người khác ! Tinh thần y học không cho ai nghĩ thế. Tinh thần y học muốn để cho người đến phục cuối cùng cũng còn mấy may hi vọng sống ở đời. Bức tranh xấu thì bỏ, cái đẹp nhảm tục có mất thì còn cái đẹp thiên nhiên, chờ người chết là hết, người chết là bao nhiêu những y-trưởng cao sâu chưa phát triển nó cũng theo người mà vùi dưới ba tấc đất. Đau đớn thay cái chết của con người !

Người đã biết : "Mạng nay giờ trẻ gọi trong tay" với

Trẻ đó tên quá còn gọi đầu.
Binh pháp năm mươi sáu có cây ?

và bước vào đường hôn phận với một trí quyết, một sự vui vẻ

Hỏi hạ y-lâm, ai muốn hỏi.
Đẻ xưa, bấn cả có ta đây ?

thì người ấy phải là một người chân chính với nghề-nghiệp.

Đành rằng y-thuật có những luật thiêng liêng thiêng liêng ấy, nhưng khi đem thi hành môn ấy, ta có thể thấy nhiều biến thiên, theo bản năng của mỗi nhà y-sĩ.

Ta thấy làm y-sĩ, có cái tài mà không si choi cái, nhưng bên cái tài, còn có mỗi lợi, mỗi lợi nó thường làm mờ ám tâm hồn. Vì mỗi lợi, nhiều danh y đã đem khoa học ra làm nghề buôn bán ; vì mỗi lợi, nhiều thầy thuốc đã tự dối mình, làm mờ ám cả lương-lâm, bởi họ cả một khoa học, khoa học thiêng liêng với tất cả ý nghĩa của hai chữ ấy.

Tôi rất lấy làm vui sướng khi nhận xét cái y-thuật của Nguyễn-dinh-Chiêu. Cái người mà danh không mang, lợi không ham :

Nước trong râu ruột sạch trơn.
Mặt cười danh lợi chỉ còn bóng đèn ?

thì chữ lợi, không sao vẫn đục được cái tinh khiết của y-khoa.

Tiên-sinh đã chẳng lấy môn đó làm kế sanh nhai, tiên-sinh cho cái nghề thuật đó nó sạch thơm khôn xiết, mà trong y-thuật tiên-sinh bao giờ cũng lấy âm-đức làm đầu :

Trẻ đây sống giờ xa thuốc.
Khỏi nơi lặn lội lưm mẫm "sách thơm".
Đang đau ốm gọi mời thơn.
Đi cho hóa chôn huyệt cơm rằm dằm.
Nguyễn-lâm một kẻ y-sanh.
Lấy cứu làm đức đời danh bác chí ?

(Trích Ngự-Tiên của đẹp)

Đem học vấn, đem tài năng ra để giảm cái đau, cái khổ cho người, mua vui cho người mà thân mình thì "đầu cho đĩa cháo, bữa cơm cũng đánh", ôi ! tấm lòng cao quý biết bao !

Một lòng trọn đạo, tận tụy với nghề, tận tâm với bệnh, tiên-sinh là một người tòn tòn tể thế. Với Nguyễn-dinh-Chiêu, bao giờ ta cũng thấy chữ tâm là chữ trọng, chữ tâm nó nảy nở ở thiện-căn mà chữ tài kia không bao giờ sánh kịp.

Với cái tài năng ấy, với cái bản năng ấy, ta không cần nói đến sự kết quả trong y-thuật của Nguyễn-dinh-Chiêu. Sự vắng nhà luôn luôn của tiên-sinh đủ rõ lòng tin cậy của bệnh nhân với những hi-vọng của gia-quyển người bệnh.

Trong hơn mười năm trời, tâm thân đau xót vì nỗi đời mắt mũi mù ; trong quá nửa đời người, tâm trí trải qua bao nhiêu chum cay mắt chát, tiên-sinh hiền hơn ai hết những nỗi thống khổ ở đời. Đã nằm lại còn thấy những điều khổ-não ấy, tiên-sinh đau có đem lòng cảm-thở, muốn trốn cái thiệt-tế ở đời.

Cái thân thợ đau thương của thế kỷ, suốt cả mọi đời, chỉ như cái ống tiêu, một ống tiêu tâm thương, ngay thẳng, trời nên những tiếng thanh-thót dịu dàng.

Những tiếng ấy, để giảm bao nhiêu nỗi thống khổ cho đời, đã đem bao nhiêu tâm-lực cho người.

Những tiếng ấy còn có một tiếng dội xa lác, xa lác. Ngày nay, chúng ta hưởng những vang âm thanh thú.

Những tiếng ấy, nó còn lan mãi, lan hoài biết bao giờ cho đất !

NGÔ-QUANG-LÝ
Y-sĩ Đông-Pháp.



KIM
VĂN
KIỀU

LUẬT NHƠN QUẢ

LỤC
VĂN
TIÊN

TRONG

LUẬT nhơn-quả không còn lạ lẫm với ai cả. Cứ theo thuyết ấy của Phật-giáo, từ khi lai sanh vào cõi phàm trần, hầu-hầu con người phải chịu cho một cái luật quán-thức, một sức mạnh kèm chế, không sai suyến, rất công bằng. Ấy là cái nghiệp. Không phải do một đấng chúa tể chuyên chế ban cho, cũng không phải bởi một vị thánh thần bất công hành phạt, cái nghiệp ấy là kết-quả của công việc làm từ kiếp trước hay là tự ngày xưa. Không có trời phạt nào đã định sẵn cái nghiệp cho ai. Không có quỷ thần nào xui khiến cho cái nghiệp thay đổi. Mỗi người tạo lấy cái nghiệp

cho mình: đời trước và ngày qua của mỗi người định cho mỗi người mỗi nghiệp. Bởi vậy, có sách nói con người tự cai-quản, cái số phận của mình trong ranh giới của mình tạo lấy (1). Có kinh nói: "Yếu, thọ, yếu, mệnh, kiến,

ep, giàu, nghèo, sang, hèn, dốt-nát, thông minh, đều do công việc đã làm kiếp trước" (2). Cũng có sách khác nói: "Con người tự tạo số phận mình" (3). Kinh Nhơn-Quả chép: "Mười biết cái tiền nhân thì xem ngay cái hiện-quả, muốn biết cái hậu-quả thì cứ xem ngay cái hiện-nhân" (3).

Trong "A-ù-dat-na-câu-xá-luân" (4) có phân chia nhơn-quả làm bảy loại, có ba loại

quan-hệ đến "Kim-Văn-Kiều" và "Lục-Văn-Tiên":

"1° Thuận-hiện-nghiệp: tạo nghiệp đời này thì phải chịu quả báo ở đời này;

"2° Biệt-nghiệp: nghiệp riêng của mỗi người, ai làm: ấy chịu;

"3° Cộng-nghiệp: nghiệp báo chung của toàn-thể".



Theo luật nhơn-quả sơ dẫn ở trên, ta đã là "tác-giả" của đời ta, ta đã tự đào tạo lấy số kiếp của ta, ta chẳng có lý nào than trách:

"Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen"

(Nguyễn-Du)

khi ta thấy một trang; quốc-sắc

thiên-hương phải trải qua một cuộc đời thiên ma bách chiết. Mà khách má hồng mạng bạc cũng không được "trách lẫn trời gần trời xa"

"Gần thay muốn sự tại trời..." (Ng.-Du)

Có thất luh, thối chí, muốn nhờ "đao này mà

(1) A.P. Simeon — Le Bouddhisme Esotérique, p. 276.
 (2) L. de Milloué — Le Bouddhisme dans le monde, p. 63.
 (3) Thiện-Chiến — Phật Học Tổng Yếu, p. 117.
 (4) Theo Thiện-Chiến — Phật Học Tổng Yếu, v. 15.

đu với thân" song "số còn nặng nợ má đào", hách đản-trường vẫn không thể đổi lời nơi họ-hóa:

"Người dù muốn quyết, trời nào đã cho."
(Nguyễn-Du)

Mà vì đâu "chữ tài liền với chữ tai một vần", chưa phải "tài cũng mang xưa hàng ghét nhau", ta vẫn không thể tin ở cuộc sắp đặt của Trời Phật:

"Mời hay tiên định chẳng nhằm."
(Nguyễn-Du)

Ta chỉ nên tự nhủ:

"Kiếp xưa đã vụng đờng tu."
 "Kiếp này chẳng kéo đến hà nơi xuôi."
(Nguyễn-Du)

Trái lại, nếu ta muốn cuộc đời được hạnh phúc, nếu

"Làm người sợ họa thì đừng bắt nhân"

và "Làm người nhơn ngãi mới mẫu."

hay "Vây nên phải nguyên qui-y."

Ta có gieo nhơn lành mới hái được quả tốt.

Có người tưởng guyền "Kim-Văn-Kiều" cần cứ một phần lớn trên luật nhơn-quả. Tôi không tin như vậy. Theo thiên ý, cái thuyết căn-bản của truyện Kiều là thuyết "tài mang tương đố", mà tác-giả đã phát-biểu trên đầu sách trong hai câu:

"Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau."
 "Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen."

Thuyết nhơn-quả, chẳng qua chiếm một phần ít ỏi trong ấy thôi; và cái thuyết này không được phát-biểu rõ rệt, không được chứng-thiệt phân minh.

Thật thế, sanh trong một gia-tộc viên-ngoại mà tác-giả không cho biết có tu hành chẳng, vai chánh trong chuyện là một trang tài sắc quyết với, canh cứ bếp núc không biết ra sao, mà cầm kỳ thi họa thì rõ ràng xuất chúng; sắc đến nguyệt thẹn hoa hờn, đản như mưa sáu gió thấm, thì tài giá đáng Thạch-Đường. Nhưng hại thay, hữu tài sao lại vô duyên lạ thường! Vì đâu? Vì đâu mà "chữ tài liền với chữ tai một vần", khiến cho hoa thắm bị cánh, cánh bèo mặt nước, phải hai phen

nhả thổ vào ra, cửa thiên ân oán? Nghiệp chướng kiếp nào, tội tình chi đó? Một kiếp tài-hoa, mười lăm năm lưu lạc; kẻ ác mắc nhiều, người lành gặp ít. Thế mà duyên may đang rứt, gài thuyền quyền gập khách nh hùng; dịp tốt xui nên, chút ân oán thừa cơ báo đáp.

Nhưng trở lại vấn đề nhơn-quả, thử hỏi cuộc báo đáp ân oán số dĩ thị hành là do tay người gây ra hay là tuân theo cái luật thiêng liêng báo phục? Không hỏi sao Mã-Kiều cũng một ân-nhân mà bị quên báo đáp, không bởi sao hai tên gia-dịch Khuyến-Ung bị phạt nặng nề, trong khi chánh danh thủ-phuại Hoạn-Thơ được tha, ta chỉ nên tìm hiểu tại sao có cái quả-báo cho những thú nhơn của Kiều.

Nhà thi-sĩ một đàng thì nói:

"Đạo trời báo phục chừa ghê,"

và:

"Cho hay muốn sự tại trời."

Cũng trong trường hợp ấy, nhà thi-sĩ viết trái lại:

"Báo ơn rồi sẽ trả thù."

"Xem cho rõ mặt biết tội báo thù."

"Hại nhân nhữn hại sự nào hại ta."

Thi-sĩ rất phân-vấn, khi thì báo đạo trời báo phục, khi lại nói tay người trả thù. Thi-sĩ không nhất quyết trước hai cái thuyết phản-đối với nhau: thần quyền và nhơn-lực. Có lẽ thi-sĩ có nghĩ đến luật nhơn-quả. Song thi-sĩ lầm tưởng luật nhơn-quả phải thi-hành do chính tay người đã bị hành ác. Nếu báo sự Kiều hành-phạt những kẻ cứu địch là sự báo phục của đạo trời, sao bọn gia-dịch ấy chẳng bị tại trời ách nước? Sao Kiều chờ đợi gặp Từ-Hải, lấy lời vàng làm xiên dạ đá, mượn oai hàm sát phạt thế chèo? Rồi rằng đây là một việc "hại nhân, nhữn hại", chớ nào phải nhơn quả tuần hoàn.

Cụ Đồ Chiểu, cứ theo câu văn mà kết luận, dường như tin thuyết thần-quyền và liền định:

"Nên hư có số ở đời,"

"Bón chôn sao khỏi, đời đời sao xong?"

"Xanh kia quả báo một hồi."

"Thiệt trời báo ứng..."

Song kỹ trung, truyện Lục-Văn-Tiên của cụ hoàn-toàn căn cứ ở luật nhơn-quả.

Cụ Nguyệt-Nga và cô Đờ Chiếu có chung một quan niệm rất lạ lùng đó. Nhưng trước cái số mạng khác-khác, hai người lại giữ hai thái độ khác nhau.

« Đánh liều nhắm mắt đưa chân.
Thử xem con tạo xây vòm đến đâu ». (K.V.K.)

và
« Nhỏ cầu bả cực thời lai.
Giữ mình cho vẹn việc ai chớ sờn ». (L.V.T.)

Đọc suốt Kim-Vân-Kiều và Lục-Vân-Tiên, càng thấy rõ tâm chí hai tác-giả — một loạt cổ vũ cho lối sống đời sống này. Hai người này, dù bao nhiêu, hen kềm hao nhĩa, thì càng thấy rõ Nguyệt-Nga cũng coi bầy nhĩa, cao thượng bầy nhĩa; và, do đó, nảy sanh lòng thương hại đối với « kẻ lợt lạt xanh » và lòng kính mến đối với « người sang cống Hồ ».

Ngay từ buổi hội ngộ giữa Thủy-Kiều và Kim-Trọng, Nguyệt-Nga và Vân-Tiên, ta biết rằng cá-tính mỗi người: Kim-Trọng, phong lưu, đa tình. Thủy-Kiều lạnh nhạt, hồng bột (Người quốc sắc kẻ thiên tài, tình trong như đã, một ngoài còn e... Ngọn hương cọng tỏ thược hồng, đầu mày cuối mắt càng nồng tâm yếu). Vân-Tiên đoan trang, quân tử, Nguyệt-Nga thủy mị, nét na (Vân-Tiên ngắm mặt chàng nhân, Nguyệt-Nga liếc thấy chàng nhìn nét na). Rồi trong những đoạn đời ki ó xữ, xét nét từng cử động, phân tích từng phần động, ta có thể nhìn thấy rõ ràng sự hơn kém.

Với hai này, xin nói riêng về Thủy-Kiều và Nguyệt-Nga, hai sắc đẹp đi trước mà tư cách



của Trục-Thần

dâng chủ-ý, có thể làm một bài học hay, một tấm gương sáng cho cô gái Việt.

Một bên vì hiếu, một bên vì trung. Ở vào thời đại quân chủ và phụ quyền, hiếu và trung được bắt đồng căn. Họ le thay, len vào đó chữ tình, khiến cho tờ lòng tình nữ thêm rời bời trước con đường hai ngã. Rồi cuộc, hiếu trung đắc thắng: tình chỉ còn là một kỹ-niệm mờ mờ màng để những thaoanh khác cạnh dài, khi trăng mờ, khi gió lạnh, có gọi lại, người ta cũng chỉ được quyền ngon ngời tiếc nhớ vu vơ.

Nhưng Thủy-Kiều trọn hiếu chẳng vẹn tình; trái lại, Nguyệt-Nga trọn trung còn giữ vẹn nghĩa. Cái khúc ở chỗ đó, sự khổ khổ cũng ở chỗ đó mà thôi.

Đành rằng mang ơn của Vân-Tiên, hơn nửa, cảm vì tài mỵ, Nguyệt-Nga không đứng nhiều thờ bả nổi lòng. Bao nhiêu ngọn sóng tình đều bị đè nên bởi nẻo phong; và cũng thuyền-quyển càng trôi nết na thì trạng quân-tử càng nặng nề hơn. Nguyệt-Nga là cái hình ảnh rõ rệt của cô gái A-Đông, kín đáo và diễm đạm. Có thương cho lắm, có thương thật nhiều, thì cũng chỉ tự mình than thở với mình mà thôi:

« Nghĩ mình mà oán cho mình,
« Chờ ơn chưa trả, chữ tình lại mang,
« Hữu tình chi bấy Ngưu-Lang,
« Tâm lòng Chức-Nữ vì chàng mà nghiêng? »

Không như Thủy-Kiều, gái khuê các, đêm khuya vườn vắng, một mình dăm lều sang tư thò cùng Kim-Trọng. Cái thói ấy nếu không gọi là thói « trong bọc trên đầu », thì cũng bị coi như táng lá-lời của một cô gái làng mạc.

« Cửa ngoài vội xù rèm thê,
« Kiam xam láng lối vườn khe một mình...
« Nang càng quang vắng kiu trường
« Vì hoa nên phải lên đường tìm hoa »

Thật là Cao bao, thật là sai lạc khỏi nề nếp con nhà lễ giáo. Sự chuần đồng của lương người qua đời ấy giải nghĩa cuộc đời ruy lạc cũng dựa vào này của Thủy-Kiều, mà đầu cả tinh ban đầu của đời sống. Trong cô thắm-thiết cũng không thể đợi nâng khỏi cơn sóng sôi-nổi lạc thú của thế chất, ngày càng làm thêm đờ đẫn tâm linh hơn đờ đờ hơn ở từ phút lý bước dần lên.

Đầu về sau nàng có bao nhiêu lối phỉnh phờ giả dối « trăm năm danh tiết cũng vì đời này » (?), đầu trước kia đối với Kim-Trọng nàng « hết e dè » vườn hồng ngàn rào chim xanh », ta cũng cứ nghĩ đó là tâm lý của kẻ đã từng trải mười lăm năm luân lạc vì, dưới hiệu Lam-Thủy, khi đánh đàn, chỉ là sự ngượng-ngượng của cô gái dầy thì má sự nói-nói có công — nếu chàng Kim hơi kinh nghiệm chút nữa — sẽ đánh ngã bắt tướng rụt-rè, rồi chực chặc « giải nhân » giữ vững được dự định trong trắng.

Nguyệt-Nga và Vân-Tiên không gặp một cảnh ngộ như vậy. Giữa đường vắng vẻ, bên mình chỉ có con thuyền trung thành, thì gọi gọi tâm-sự rất dễ-dùng vậy. Nhưng trai anh hùng, gái thuyền quyển, yêu nhau vì một, mến nhau vì tài, đến đó cho đến ngộ-ngang sao lả cợt nhà?

Nguyệt-Nga và Thủy-Kiều — hai người đẹp

ấy — ông Tạo lại trở trên đem đặt trước một cảnh ngộ in nhau:

« Duyên hội ngộ, đức cù lao,
« Bên nào bên hiếu, bên nào nặng hơn? »
Hai nàng đều biết hi-sinh thân thể để gởi trọn tâm hiếu thảo, cho cha già được thông-dong.

Nguyệt-Nga sang cống Hồ, Thủy-Kiều bán mình cho Mã-giám-Sanh.

Bởi từ đó, sự thử thách của cuộc đời càng gay gắt. Thủy-Kiều khỏi vòng kính mến của chàng Kim. Riêng Nguyệt-Nga, đời đời trong trắng, mãi được mọi người trong vọng ngàn năm.

« Thà cam xương trắng gieo đồng đục,
« Há chừa ngày xanh phiếm bụi nhờ? »

(THUẦN-ĐỨC)

Con thuyền rồng đưa nàng sang Hồ-quốc, nhưng lòng nàng vẫn ở tại Đông-Thành. Một khi đã vàng ghi lặc, càng ai hện ước một lời, thì

là phận nữ nhi,
một câu chánh tiết phải ghi vào lòng.
« Trăm năm dốc trọn chữ tông,
« Sóng sao thác vậy một chồng mà thói? »

Bởi dính-ninh sơn sắt, ra giữa không nước trời sóng bao la, nhún lên cao trắng vàng-vạc, nhìn xuống thấp sóng cồn xao, sâu tóc tơ chỉ còn một đêm nầy, thì cũng đành đến tâm-sự gởi cho dòng sông họ.

« Anh hỏi Vân-Tiên anh có biết? »
Thương nhau xin hẹn kiếp sau chờ. »
(T. Đ.)

Sau khi thoát khỏi làm nôi cho miệng cá, Nguyệt-Nga lạc vào vườn của viên ngoại họ Bùi. Bấy giờ, đầu biết rằng Vân-Tiên đã thác, đầu mang ơn, đùm bọc của gia-đình Bùi ông. Nguyệt-Nga cũng không thể quên người xưa mà ôm cầm sang thuyền khác. Đàng kia thay, đàng trong thay tâm tình của Nguyệt-Nga! Thử thời, Thủy-Kiều mà ở vào địa-vị của Nguyệt-Nga, thì trước những lời ngọt ngào khôn khéo:

« Hễ người lịch sự có kinh có quyền,
« Đến đây duyên đã bén duyên,
« Trông thanh gió một cầm thuyền chờ ai,
« Chừ rằng xuân bất tại tại,
« Thấy nay hoa nở e may hoa tàn,
« Làm chi thiệt phận hồng nhan,
« Năm canh gối phụng màn loan lạnh lẽo. »



Khoan thuyên nghị đó chớ ta.

hắn đã cùng Bùi-Kiểm chấp mỗi tờ hồng.

Nguyệt-Nga không vì ham sự sống thông-dong, cuộc đời yên đẹp, nở phụ rầy tâm lòng của người yêu, đầu đã thành hôn thiên cổ. Nàng trọng cái chánh tiết hơn cả mọi vật trên đời. Không quản khó nhọc khi lên đèo xuống núi, khi đạp sỏi dầy sành, bỏ nhà viên ngoại ra đi, mình không với hờ tương, miễn trọn tình cùng Vân-Tiên mà thôi. Một bài thơ để lại đã giải tỏ nỗi niềm của nàng:

« Chừ da dính ninh dăm đảo đên,
« Ai dè đem nghĩa đời làm duyên,
« Nở nào của ta vui cùng Kiềm,
« Thà xương sủi vàng ban với Tiên,
« Sanh tạo ép đày đày phải gạt,
« Làm trầy bởi đó đó đứng phiên,
« Vai mang bạc tượng bằng đường thổ,
« Cửa cũ phi thường để lại nguyên. »

Trốn ra đi, Nguyệt-Nga cũng khác Thủy-Kiều, là chẳng nhớ bợn chút gì của nhà viên-ngoại.



Tại sao trốn Hoan-Thơ. Kiều lại cấp theo những chàng vâng, khấn bạc? Sự thật, sự mãi lo cho mình yên ổn giải nghĩa ranh-rẽ những lúc xử thế của nàng khi gặp phải lúc cam go. Thủy-Kiều không có cái đức tính quên mình để chỉ thờ kính trong tâm khảm sự thanh cao.

Về với Mã Giám-Sanh, trong Mã làm chồng đó là bản phận của kẻ « đã bán mình » muốn giữ cho tròn lời giao kết. Khi qua cửa lầu xanh, giải thoát đời bằng cách tự thân, may được cứu thoát, rồi vào tay Sở-Khanh, nhờ Thúc-Sinh mua về làm hề, cũng có thể tha thứ cho Kiều vì hoàn cảnh mà ép buộc theo thời thế. Nhưng lúc ở nhà Hoan-Thơ trốn ra, sao chẳng biết chán cái cuộc đời hạ đọa ấy mà sớm tìm tình cảm lại người tội lỗi đã làm vấy bẩn tình yêu của nàng đối với chàng Kim? Cái lần không thể tha thứ được là cái lần nàng trốn trong rừng Bạc-Hạnh để lại bị bán về lầu xanh? Thủy-Kiều quên cái cũ dễ-dàng quá, mà sang qua cái mới cũng dễ-dàng. Tấm lòng không chung thủy như thế mà còn si-diện nào nhìn lại người xưa?

Trước kia, Kiều còn là một gái ngày thơ, mặc dầu làng mạc cũng không đến đời xấu-bèn. Nhưng về sau nàng mang lấy tâm hồn một gái giang hồ, chỉ mong mỗi sự ăn uống, đem bán rẻ thân mình, ở cảnh ngộ nào cũng vì « sợ » trái lời nẻo trước, lấy mình đền sau...

Lần thứ nhất thoát khỏi cửa lầu xanh, được một khách anh hùng đem về làm phu-nhân, mà nàng cũng còn làm lo mong mỗi cuộc đời đẹp đẽ, vai tươi. Con người như nàng, do bẩm, trước chuyên, lẽ ra làm vợ một anh tướng giết người như Tô-Hải cũng là quá xứng đáng rồi, sao không biết xét phần lại đời về với Triều đình? Để cho Tô phải vì nàng mà hủy một đời ngành học. Nếu Kiều còn chút danh-tương-tâm, còn một chút gì dính dấp đến một kẻ có liêm-sĩ, nhất là dính dấp đến một cô gái biết tự trọng, tự kính, thì đã phải cưới theo Tô cho trọn niềm thì chung, vì sao há chẳng muốn chấm dứt cuộc đời sống gió của nàng với kẻ « vai bành hàm én » ấy?

Thế mà, sau khi Tô-Hải chết oan, chết oan vì nàng, Kiều lại có thể dấn thân hầu nợ dưới trướng người khác!

Vịnh Kiều, chỉ ở Tô-Hải chết oan, chết oan vì nàng, Kiều lại có thể dấn thân hầu nợ dưới trướng người khác!

« Tổng-Đốc vì thường người bạc phận,
« Tiền-dương chưa chắc mã hồng nhan ».

Thật vậy, nếu Tô-Hải lại thân dung Kiều, thì những cảnh « thay, đổi » dấn thân lại thấy diễn ra và không biết bao giờ cái đời lưu lạc của Kiều sẽ được chấm dứt.

Thậm chí trong tay cho chàng Kim-Trọng, dù ép một khối đồ vàng mà còn có thể đại dật dờ nói:

« Chử trình kia cũng có ba bảy đường. »

Nếu chàng đã nghe được những lời thâm thúy khi đêm khuya canh vắng, cứu Kiều đã rút về tại Thúc-Sinh:

« Thương sao cho ven thì thương
« Tình sao cho trọn mọi đường thì vãng... »

« Xót vì chìm đã bèn dấy,
« Chẳng làm năm cũng một ngày duyên ta.

vào tại Tô-Hải:

« ... Lương cả hao dụn,
« Tấn-Dương được thấy mây rồng có ph-ù.

« Hồng thương có nội hoa hèn,
« Chút thân hèo bọt dầm phiên mai sau... »

« ... Chút phận ngày thơ,
« Cũng may dây cắt được nhờ bông cây. »

hay thấy được cái cảnh Kiều hầu hạ, hầu đi Tô-Hải, khi cái thầy Tô-Hải vừa vùi vùi một cách phủ phàng, thì chắc chắn Kim-Trọng không còn luyện ái tâm thân ở trước đây, trái lại, trăm lần ghé thăm cái con người phụ nữ chạ, loan chung. Mà chàng Kim có ngờ nghề ở nước, cũng chỉ vì chàng là một gã thơ-sanh cơ khổ, mà Kiều lại là một cô gái làng chơi mà làm năm lưu lạc!

Cũng cùng một cảnh ngộ, Thủy-Kiều mặc sông đời dĩa dĩa: Nguyệt-Nga lấy liệt đối chọi với gió mưa. Bao giờ chỉ chịu đựng được những nỗi khắc khe để cái kính thờ một người yêu và, khi gặp ấy khuất bóng, kính thờ cái hình ảnh bất di trong tâm tư. Như thế mới đáng gọi là một kẻ khâm môn, mới đáng là tiêu-biểu cho hàng phụ nữ Á-Đông, hàng phụ-nữ đất Việt.

KIM-VÂN-KIỀU là sản phẩm của cái xã hội những người chỉ chịu theo dục tình, chạy theo xác thịt, lợi, danh, vọng. Sự ham muốn và hóa thích là cái máy để huy động họ.

Trong LỤC-VÂN-TIÊN, chen lẫn với những kẻ thấp hèn, dễ tiện, là những bậc quân-anh hùng, gái thùy-viên cao thượng.

Cái khác ở chỗ đó, hay là cái khác gì Thủy-Kiều và Nguyệt-Nga cũng thế.

Cho nên có câu cảm « gái không nên » Truyện Kiều » không phải là quá đáng, người ta có thích Lục-Vân-Tiên hơn Kim-Vân-Kiều cũng chưa phải là một chuyện lạ vậy.

TRỤC-THÂN
(Tây-Đô)

THO' LỤC-VÂN-TIÊN

Thì xem những chỗ dị đồng trong vài bản sách

« Trái thơ trung niên làm đàn,
« Gái thời trẻ, hạnh là câu trau mình... »

Hai câu trong thơ LỤC-VÂN-TIÊN ấy, giữ từ trong đất Nam-Kỳ lâu rồi. LỤC-VÂN-TIÊN là một bài học làm thơ gđđt, Chastel-phủ đã từng viết vào hàng sách giáo khoa, chính là một q. yếu thơ rất phổ thông trong dân gian, đã lưu hành trong xứ này trước hơn bảy tám mươi năm.

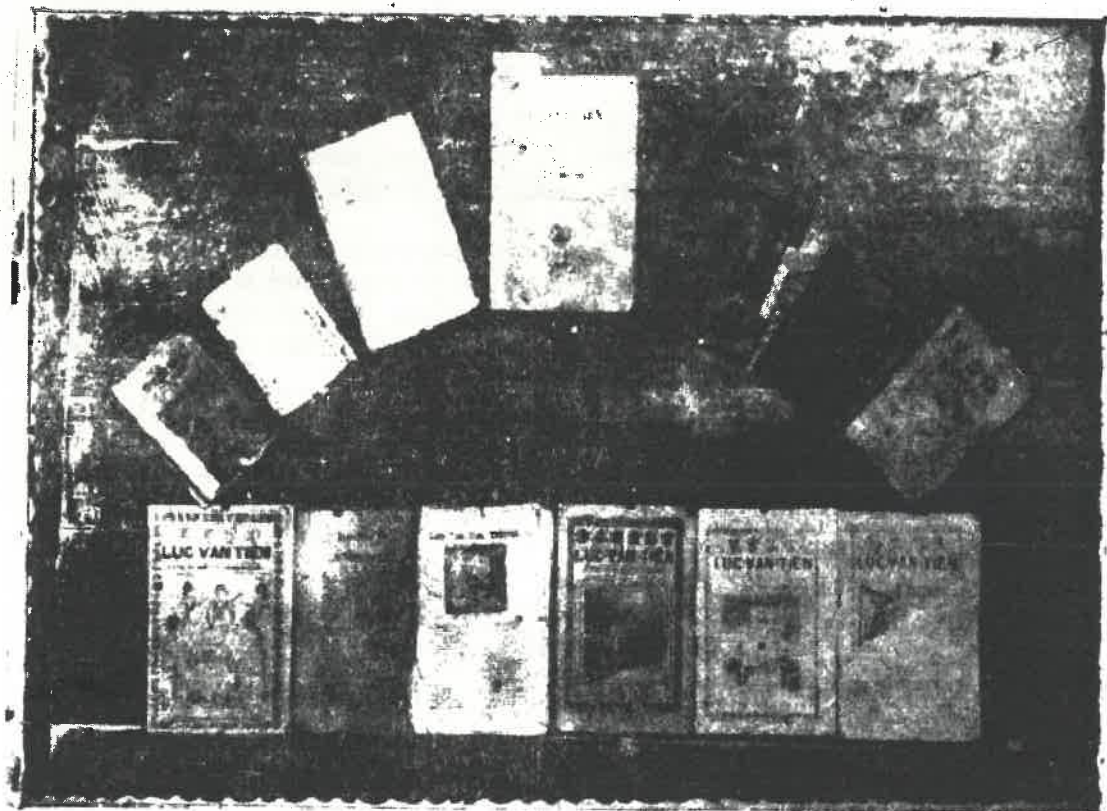
Trong vòng thời gian ấy, đã bao nhiêu bản « VÂN-TIÊN » ra đời, bản nôm có, bản quốc-ngữ có, bản dịch ra tiếng Pháp cũng có. Thế

mà các bản đã lưu hành ấy có được như-thế như-thế?

Theo chỗ sưu tầm gần đây, chúng tôi được biết và lược thấy nhiều hơn thơ LỤC-VÂN-TIÊN.

Như thế các nhà nghiên cứu về NGUYỄN-DINH-CHIỀU và tác-phẩm LỤC-VÂN-TIÊN, chúng tôi được thấy nhắc tới các bản này:

1° Bản dịch ra Pháp văn của ông Aubret (ta dịch là (18-92-19) trước đây trong báo



Từ trái qua mặt:
Hàng trên: 1° Bản Trương-vinh-Kỳ; 2° Bản nôm chép; 3° Bản Jeanneau; 4° Nghiêm-Liên;
5° Bản nôm in; 6° Quảng-Thịnh; 7° Trần-vĩnh-Quang.
Hàng dưới: 8° Nguyễn-kim-Đỉnh; 9° Renoux; 10° Nhi-Thiên-Đường; 11° Khấu-vô-Nghi có hình; 12° Khấu-vô-Nghi không hình; 13° Phạm-vân-Thỉnh.

« Journal Asiatique » (tháng janvier và fevrier 1864), nhà in Impériale tại Paris (1864).

2° Bản dịch ra pháp văn, có in cả chữ nôm và quốc-ngữ của ông Abel des Michels, xuất bản năm 1883 tại Paris, nhà in E. Leroux. Bản sách của Đông ngữ học đường (Ecole des langues orientales) quyển thứ XIX.

3° Bản dịch ra thơ chữ pháp của ông Eug. Bajot nhan đề là « Histoire du Grand Lettré LOUC VIAN TEIAN » xuất bản năm 1887 tại Paris, nhà sách Challamel. Chúng tôi rất tiếc chưa được có bản bản ấy, nhất là bản của ông Abel des Michels.

— Chúng tôi hiện nay có mấy bản này :

I. — CHỮ NÔM :

1° Bản nôm in do nhà Bửu-hoa-Các, xuất bản tại Quảng-dông, Thiệu-phước-Lạc đại-nhân có Duy-minh-Thị ở Giadinh đình chanh, không rõ in năm nào.

2° Bản chép rất cũ kỹ của nguyên Huyện làm Huỳnh-vân-Sắc ở Bentre.

II. — CHỮ QUỐC NGỮ :

1° Bản ông « Jeanneau » xuất bản năm 1873 tại Paris, nhà sách Challamel et cie, sách in do lính quan Phó đề đốc thủy sư Dupré, Thống đốc Nam-kỳ, có nhiều chú thích bằng chữ pháp.

2° Bản ông P. Trương-vinh-Kỳ xuất bản năm 1889 tại Saigon, nhà in Aug-Bock, có chia ra 20 chương, mỗi chương có biên đại

Truy niệm cụ Ng-dinh-Chiều

Tác-giả « LỤC-VÂN-TIÊN »

Thiên hạ xôn xao cuộc đảo huyện, Đau lòng ngồi viết « Lục-vân-Tiên » Hiếu trung khuyến hãỵ cho bền chặc,

Tiết hạnh trau sao được vẹn tuyền. Soi xét trên không vừng bạch-nhật, Nhớ thương sau có bọn thanh-niên. Ngàn năm bối đắp càng thường đặng,

Một áng Văn-chương miệng để truyền.

Hạ học : THƯỢNG-TẤN-THỊ dịch thơ (16-8-1943)

ý, và cuối sách có bài đại lược « về người đại thơ LỤC-VÂN-TIÊN ».

3° Bản « LỤC-VÂN-TIÊN giải nghĩa » của ông Trần-vinh-Quang xuất bản năm 1908 tại Saigon, nhà in Imprimerie Saigonnaise, có phụ thêm mấy bài thơ tặng VÂN-TIÊN, NGUYỆT-NGA, HỒN-MINH, TỬ-TRỰC, và TIÊU-DÔNG.

4° Bản in Long sách mục lục của nhà thuốc tây « Hoibé » và « Renoux », có hình vẽ đen, xuất bản tại Saigon năm 1910



5° Bản in trong sách mục lục của nhà thuốc « Nhị-thiên-dương », có hình màu, không rõ in năm nào.

6° Bản ông Phạm-vân-Thịah in lần thứ bảy, năm 1927, tại Saigon, nhà in XUA-NAY.

7° Bản ông Khấu-vô-Nghi, ông Nguyễn-sào-Viễn xuất-bản tại nhà in Xua-Nay, không rõ năm nào.

8° Bản ông Nguyễn-kim-Dịch, ông Phạm-dũng-Khuông xuất bản tại nhà in Báo-Tôn Saigon, in lần thứ 15, không rõ năm nào.

9° Bản của hiệu « Quảng-Thịnh » xuất bản tại nhà in Long-quang Hanói, không rõ năm nào.

10° Bản quốc-văn do nhà xuất-bản Văn-Minh dịch ra pháp văn của ông Nghiêm-Liễn, xuất bản năm 1927 tại nhà in Lê-văn-Tân Hanói, có tựa của ông Ưng-Hoè Nguyễn-văn-Tổ, có hình vẽ của ông Nguyễn-dinh-Chi. Trong bản này có chứa những chỗ dị đồng với bản ông Abel des Michels và nhiều đoạn dịch bằng thơ chữ pháp của ông Eug. Bajot.

— Trong việc sưu tập sách, chúng tôi để ý tới mấy bản sách này : Bản chữ nôm in ở hiệu « Bửu-hoa-Các » in sách rất nhiều, bằng

(Coi tiếp qua trang 27)

CUỘC HỘI-KHIÊN NGUYỄN-DÌNH-CHIỂU và Michel PONCHON

NGÀY 17 tháng Septembre năm 1883, tỉnh Bentre don tiếp quan Chánh Tham-biện mới. Đối với sự thay đổi người cầm quyền trong tỉnh, hung bình dân mỗi bực về nắng mưa mặt rổ, nếu thường không quan tâm đến. Nhưng phen này họ lại đặc-biệt chú ý tới quan Chánh Tham-biện. Phải chăng vì người bạn gái Việt Nam của ông, hay vì cũm-danh gây ra bởi sự ông rất thông thạo tiếng Việt ? Dầu sao, nội một chuyện ông giao-du với hung nhọ-sinh trong tỉnh cũng đủ đem về cho ông trọn tâm lòng chơn-thành để tâm của người dân Việt Nam.

Một người như thế lẽ tự nhiên là có nghe biết tiếng tâm của ông Đồ Ba-trị, một danh hiện riêng của cụ Nguyễn-dinh-Chiều. Và lại về thời bấy giờ, người Pháp nào song làm quan cai-trị ở Nam-kỳ, khi bắt đầu học thổ-ngữ, lại khỏi phải đề ý đến đến thơ « Lục-Vân-Tiên ». Ông Michel Ponchon cũng không tránh khỏi chỉ thông-lệ ấy. Hơn nữa, ta có thể nói ông bị « Lục-Vân-Tiên » cảm-hóa, rồi trực-tiếp ông khám-phục và ái-mộ tác-giả của nó. Lòng ái mộ ấy càng thêm phần chơn-thật đậm đà khi nó xuất tự thâm-tâm chơn-đạo của một người trai tráng khỏe mạnh đối với một cụ già bệnh hoạn mù lòa.

Bởi thế có lẽ ông Ponchon rất ao-uớc được hội-kiến cùng cụ Đồ Chiểu, người đã in-xuất một văn-phẩm mà toàn thể quốc-dân đều mến-thưởng. Trước ngày đến tỉnh Bentre, chắc ông đã nghĩ tới việc đó và định-rình không bỏ qua cơ-hội tối nào. Chẳng thế mà chỉ cách 1 tháng sau khi nhậm chức Chánh Tham-biện Bentre, mặc dầu còn ngỡ-ngần bận-rộn với những phận-sự mới — vì năm trước ông ở bên ngạch Thương-chánh; — ông vội gởi giấy mời cụ Nguyễn-dinh-Chiều lên tỉnh-lỵ hội-diện. Cụ Nguyễn đang cơn bệnh không đi được, nên cho một cậu con đi thay mặt. Không gặp được cha, nhưng biết được con, ông Ponchon cũng tạm hài lòng. Ông vui vẻ hỏi cậu về tiểu-sử cụ Đồ và không tiếc lời khen cậu thông-minh đỉnh-ngộ.

Tích thơ « Lục-Vân-Tiên », ông Michel Ponchon xem nó với cái óc khoa-học của

người phương Tây. Ông tìm nguồn gốc của nó ; ông so sánh những chỗ khác nhau trong nhiều bản và chẳng ngại thất công đi dò hỏi ở những người thông thạo trong tỉnh.

Được biết tường tận văn-phẩm lẫn tác-giả, ông viết báo tỏ bày những điều nhân xét của ông và bác cái thuyết mà ông Janneau đã nêu ra trong bài tự quyền « Lục-Vân-Tiên » của ông xuất bản. Cái thuyết đó không nhân cụ Nguyễn-dinh-Chiều là tác-giả thơ Lục-Vân-Tiên.

Sự sôi-sảng của một người Pháp đối với một văn-phẩm Việt-Nam và một thi-sĩ mù lòa, bệnh-lặt, phải chăng vì ý muốn tìm biết sự thật đáng chú-ý, hay vì lòng cảm mến văn-tài của thi-sĩ, hoặc vì đức-vọng của cụ Đồ đã nung cao giá-trị cụ trong sự phán xét của người Pháp.

Cái văn-tài và cái đức-vọng kỳ chẳng chinh-phục riêng gì ông Ponchon. Đồng thời có ông Pillel, một nhà thực-nghiệp làm đời ở Bentre, cũng đọc « Lục-Vân-Tiên » cũng để ý tới cụ Nguyễn-dinh-Chiều và chẳng nề

ra xuôi tìm đến tận nhà cụ hỏi về thân thế của cụ để về viết đăng lên báo. Ông đã bình-dạng cụ Đồ với những nét khá-ai. Ông nói : « Cụ Đồ là một đặc-trung của hạng người Việt-Nam đẹp, cụ còn về xuân đều đã thọ bình « từ một năm nay. Cụ được người ta chú-ý « tới cái tác cao, cái vóc tròn trịa và mở « tóc đen tuyệt đẹp chỉ điểm vài chòm tóc « bạc của cụ... ».

Về phần ông Ponchon, lần gởi giấy mời cụ Đồ, ông không được thoả nguyện. Cụ thì đang cơn bệnh, hay là cụ thác bình ?

Ông Ponchon hiểu rõ chỗ đó nên qua thượng tuần tháng Novembre năm 1883, hai tháng sau khi ông đến Bentre, hơn dịp đi

Xem thử một số « Nam-kỳ Tuần-báo » thì, các bạn sẽ muốn mua đọc tập luận luận, bởi vì một số mỗi có bài mới, lạ, chuyện vui, hay.



tuần-tra ở Batri. Ông nhớ người dân tới nhà cụ Đồ Chiểu.

Ông định đến thỉnh linh nên không cho hay trước; nhưng cụ Đồ vẫn biết. Giấu làm sao được, vì lúc bấy giờ một "Ông tây" vào làng là một đại sự đối với người dân quê.

Không có vô-tuyến-điện, không có điện-thoại, nhưng "đây thép miệng" của các cậu trẻ con còn mau lạ hơn nhiều. Chỉ trong giây phút là khắp làng đều hay biết. Ngày nay ta còn có thể tưởng tượng được sự "náo động" của dân làng An-bình-dông (nay là làng An-đức) khi quan Chánh-Tham-biện hỏi thăm đường đi vào nhà cụ Đồ Chiểu. Chắc trong đầu óc họ đã nảy ra nhiều câu hỏi và trong lòng họ không khỏi có đôi phần lo sợ cho cụ Đồ. Lo sợ là vì họ



đều dư rở tâm-chí của cụ đối cùng thời-cuộc và cũng vì thế họ một lòng kính yêu cụ. Vậy, lẽ tự nhiên là họ mau mau mật tìn cho cụ biết trước.

Vừa bước vào nhà cụ Nguyễn-dinh-Chiêu, ông Ponchon đề ý ngay tới cách bài-trị đơn-sơ, nhưng không kém phần đầy đủ và sự sạch-sẽ vồn-khéo riêng biệt của những nhà khá-giả Việt-Nam ở thôn quê.

Đến đây chúng tôi xin mượn lời của ông Ponchon thuật lại cuộc gặp gỡ giữa một người Pháp trẻ tuổi biết thương thức văn-chương và kính mến nhoa-tài của Lục-tĩnh với một sĩ-phu Việt-Nam. Tác-giả một giai-phẩm về thi ca đã gây được sự chú-ý của người ngoại-quốc đối với nền văn-học nước nhà.

Cụ Đồ Chiểu nằm trên giường vì đang cơn bệnh nặng. Người ta đã lên tới mà cho cụ hay trước sự tới đến, nên cụ muốn chờ đây tiếp tới. Biết thế tôi bèn đi thẳng vào buồng của cụ thì vừa khi cụ bước ra phòng khách, có hai người nhà đứng chờ. Cụ Đồ là một ông già cao

lớn đẹp đẽ, gương mặt trầm-lĩnh xanh xao đầy vẻ cao-nhã. Lời nói của cụ rất thanh-tạo trôi chảy và tôi nghe cụ được rõ ràng đầy đủ. Về phần tôi thì khác hẳn, cụ không nghe được tôi vì cụ đã hoàn toàn điếc. Chỉ có đôi ba người quen gần cụ là có thể nói cho cụ nghe hiểu. Sau vài câu chuyện về sức khỏe của cụ,

tôi đề cập tới việc quan trọng của tôi, nhưng không hi vọng thành công. Cụ Đồ Chiểu tỏ thật với tôi rằng sức khỏe và trí nhớ của cụ đã giảm nên thêm phần khó cho cụ trong công việc nhuận chính bản thơ Lục-Vân-Tiền. Tôi bèn bàn cùng cụ để cho những người đã quen với cái thói-quan bất trị của cụ ngâm thơ Lục-Vân-Tiền theo một bản in của người Tàu (1). Rồi cụ chỉ những câu thừa nên bỏ

những câu trật nên sửa và những câu bị bớt nên thêm vào. Cụ nhận làm cái công việc có phần nhọc nhằn ấy.

(1) Có lẽ ông Ponchon ám chỉ bản in ở Chợ-lớn năm 1863, do Tác-Thơ-Tướng trong Nam.



Agent exclusif: Ets BOY-LANDRY

Rồi tôi lặng cụ một quyển Lục-Vân-Tiền chữ nôm rất đẹp. Cụ muốn cầm ơn tôi theo lẽ tục của người Việt-Nam. Tôi liền nhờ người nói lại rằng giữa cụ và tôi không nên giữ lễ, tôi còn trẻ, không dám làm phiền cụ đều chi hơn là xin cụ đối đãi với tôi như một bậc lão-thành thông-thái tiếp một người bạn ngoại-quốc rất hâm-mộ cụ.

Giao kết xong tôi, tôi tiếp tục hầu chuyện cùng cụ. Thật cụ là một tinh-thần thanh-



cao và rất mực khiêm-l遜. Cụ nói với tôi rằng cụ rất đỗi ngạc nhiên mà thấy ngày nay người ta đề ý tới cụ; và trước khi tôi nói với cụ đề nghị — và lại đến đó tôi cũng không muốn nói, — cụ đã hiểu ý. Cụ bảo tôi rằng cụ lấy làm vinh-hạnh được người đời chú trọng tới văn-phẩm của cụ và chiếu-cổ đến thân phụng cụ. Ngoài ra cụ khước từ tất cả các món tưởng-lễ bằng tiền bạc; đời sống của cụ cũng đầy đủ và chùi thanh-danh mà người đời bao qua là tên tuổi của cụ cũng đủ cho cụ hoàn-toàn thỏa-mãn rồi.

Tôi rất vui thích được nghe bậc lão thành ấy bày tỏ một cách hết sức tự-nhiên những tâm tình tốt đẹp hiếm có trong lòng chúng ta. Tất cả những người có mặt tại đó — nên biết là đông lắm — đều kính cần nghe cụ nói vì toàn thể đều tôn-trọng cụ.

Thật là một cuộc hội-kiến ít thấy trong lịch-sử giao-thiệp Pháp-Nam về thời ấy.

Xét về cũ chí, ta nhận thấy đời bên đều giữ đúng lễ ą) riêng biệt của giống nòi. Tuy nhiên trước những hành-dộng nhã-nhân của một người Pháp, như là một người Pháp, cầm đầu một tỉnh lớn, có quyền hành rộng, chịu đẹp qua một bên cái chức phận của mình để trở về địa-vị thường-nhơn đang giao-thiệp với

một tên đạo bị trị, già yếu (tôi nguyên, chúng ta, dân Việt-Nam, mà đời sống thiên nhiên về tình cảm, làm sao khỏi phải suy nghĩ và miễn phục. Phương chi ông Ponchon lại còn bỏ cả nghi-vệ của một quan Chánh-Tham-biện đi tuần-tra trong lúc đến nhà cụ Đồ Chiểu; hơn nữa, ông muốn được cụ Đồ xem ông như một người bạn trẻ tuổi, và trong khi đàm đạo, ông chỉ nói tiếng Việt-Nam. Nếu không có những điều đáng quý đó chưa chắc cuộc hội-kiến đã được được về chân-thật, đậm-đá như trên.

Đến việc trợ-cấp tiền bạc cho cụ Đồ, có lẽ khi ra đi ông Ponchon đã định mình là sẽ nói tới; nhưng đến lúc giáp mặt cụ, ông biết người biết ta nên không dám mở lời, để tự cụ Đồ hiểu ý, chặn nói trước. Thật là một cái nhũ-độ vô cùng cao-quí.

Còn cụ Nguyễn-dinh-Chiêu, đầu đang bệnh cụ cũng rần giữ tròn lễ chủ khách. Trí minh-mảo của cụ vẫn sáng suốt để cụ đoán hiểu tâm-ý của khách, tuy cụ đã mang nặng sáu mươi một cái xuân (1) đầy những lo buồn về nỗi nước tình nhà, thân danh sự nghiệp và tật bệnh dập dờn. Đã sẵn có cái tiết-tháo đáng muốn phần qui trọng, nay gặp cảnh dễ xiêu lòng cụ vẫn giữ tròn trong sạch, và những cử-chỉ thanh-nhã, những lời nói khiêm-l遜 càng làm thêm rạng vẻ cái nho-phong. Sĩ-khí của một đấng trượng-phu Nam-Việt, vì cảnh- ngộ nên chỉ còn biết:

"Lòng đạo xin tròn một tấm gương" KHUÔNG-VIỆT.

(Trong Ủy-ban Phan-thanh-Giản) Tài-liệu rút trong báo "L'Independant de Saigon", năm 1883.

(1) (1822-1893). Hai ông Pihet và Ponchon; đạo viết là cụ Đồ 68 tuổi.

Nguyệt-Nga, công Hồ

Các cô mây che bóng nguyệt mờ. Hòa-Phiền lại mượn khách đào thơ! Dòng xanh ví phải mỡ son phấn, Phận bạc xin đền nợ tóc tơ. Hẹn ước thà cam chờ kiếp khác, Đá vàng dầu nở để thân nhờ. Mưu sâu chẳng trách người sâu

độc, Chỉ trách tình duyên quá bằng hồ! TRỤC-THẦN (Tây-đá)

đi là đũa châu đầu lông nên rất được ông bà yêu mến. Thuở bé thơ, thỉnh-thoảng tôi đến, tôi được ông tôi bằng lên võng nói thơ « Văn-Tiên » ru ngủ. Các như thế trong hàng mấy năm, rồi tự nhiên những câu thơ in vào trí tôi khiến tôi có thể đọc lại cả đoạn dài trong truyện. Tuy còn bé lắm, nhưng tôi đã biết thương xót cảnh ngộ của Văn-Tiên. Năm trên tay ông tôi, tôi cứ âm-thầm nhớ lệ mỗi khi người nói đến đoạn Văn-Tiên vì khóc mẹ mà đứt mũi và, vì thế, bị người bạc đãi.

Cho đến khi lớn lên, đọc những sách nói đến cụ Nguyễn-đình-Chiêu, tôi mới rõ ra truyện « Luc-vân-Tiên » chẳng qua là tâm sự của cụ. Cụ viết nó sau khi phải mất — cụ bị tật hồi 26 tuổi — để học-lộ nỗi lòng của cụ với đời, cho mỗi đứa nhỏ biết. Cụ là một nạn-nhơn của thời đời đen bạc, lại có lòng sùng-thượng Nho giáo, nên hơn thuật thân-thế long-đông của cụ, khác số-kiếp bi-dát của cụ; cụ vẫn cố để khuyên lòng người đời hãy « giữ gìn việc trước, lánh đi thân sau ». Vì thế, thơ « Luc-vân-Tiên » có một tính cách hoàn toàn luân-lý. Hay nói rõ ra, tác-phẩm của cụ là vì hơn tranh đạo nghĩa hơn là vì nghệ-thuật.

Thế mà có người bảo văn « Luc-vân-Tiên » tâm-thường đến thơ sơ, không đều-tuyệt như « Thúy-Kiều truyện ». Đó là những người không quảng-dại. Tuy tâm-sự của hai cụ Nguyễn-Du và Nguyễn-đình-Chiêu, đã ký thác vào hai danh-phẩm, có hơi giống nhau thật, nhưng hoàn-cảnh của hai người khác nhau xa. Cụ Tiên-Điền sanh trưởng nơi một thế-gia

Từ biệt cô - nhân

Vì câu danh-ngữ phải đi ra,
 Dạy mũi thuyền na nà đợ xoi-xa,
 Người dễ muốn chỉ nương đất khách,
 Trời đã khiến vậy mền vua ta.
 Một phương tha tránh đờng gai-gốc,
 Tâm tedi cho tròn phần lộc đa.
 Chén rượu gõ lòng xin cạn chén,
 Nhớ nhau 1 ngày khác... biết sao mà!

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU

NGU'O'I PHAP DOI VOI NGUYEN-D

vọng tộc mà cha anh đều là văn-thần nổi tiếng đời bấy giờ. Phương chỉ quê hương cụ là một dãy nước non hoa gấm, núi Hồng sông Lam đem lại cho cụ bao nhiêu thi-hương thi-th-h. Thêm vào đó, một văn phái Hồng-sơn sẵn-sàng chia nhau mà sửa chữa văn-pháp cho cụ.

Còn cụ Đồ Chiểu xuất thân là con nhà nghèo, phụ thân cụ chỉ là một viên quan hạ cấp, chỉ đủ nuôi cụ đi học đến là tài. Cụ lại sanh-trưởng ở Nam-kỳ, thuộc ủy-còn là hoang-vu lầy lội, phong cảnh không mấy hên tinh, chẳng được mùa thơ! Lại như đương buổi giao-thời, cụ vì ốm tiết-tháo phứt sống một đời lữ-đạo, chiếc thân vô vô không mấy khi ở yên một

nơi. Tâm-hồn, vì đó, dần được thanh-thoai nhiều mà gọt-dũa câu văn cho được muồn phần dẽm-lẽ. Ấy là khởi phải nhắc lại : quyển « Luc-vân-Tiên » ra đời giữa lúc tác-giả nó không còn thấy ánh sáng.

Quyển « Luc-vân-Tiên », yêu nó, là qui tình thần tập thơ ấy và yêu dung-ý của tác-giả. Vì dư-lượng người Pháp buổi đương thời cũng là vì thế. Người Pháp, hồi ấy vừa để chọn lên xứ Nam-kỳ, hãy còn chưa hiểu mấy về phong-tục, tập-quán người mình, nên quyển « Luc-vân-Tiên » ra đời phải lúc, rất được họ để ý. Đọc cuốn thơ ấy, họ gần-tiếp biết được đời

GIÁ	
NAM-KY T. B	
Một năm	13 \$ 00
Sáu tháng	7 00
Ba tháng	4 00
Mỗi số	0 25
Abonnements annuels	
Nam-Ky:	18 \$ 00
Mua luôn cả Nam-trộn năm	
Mua báo chỉ	
Quản-ly:	2, Rue

Muốn biết r nước ta có t ông bà truệ hấy đọc « Nam

QUYEN LUC-VAN-TIEN CU NI-HI-CHIEU

sống và hơn tình dân-bản-xứ, như ông Aubaret đã tả năm 1864 trong bài tựa bản dịch bằng văn xuôi truyện « Luc-vân-Tiên » của ông :

« Chúng tôi mong người ta tha-thứ lòng thiên-uy của chúng tôi đối với cuốn sách nhỏ này, mà chúng tôi tha-thật đã luôn luôn làm chúng tôi say-thích. Đọc nó, chúng tôi hiểu sâu những lãnh cách đời-thế của một dân-tộc chúng tôi đã sống chung lâu năm. Chúng tôi xem nó như một trong những sản-phẩm rất hiếm của trí óc nhân-loại, có cái hay là phổ-diễn khéo-léo tình cảm của cả một nước.

« Chỉ vì phương-diện ấy mà hôm nay chúng tôi đem hiến một bản dịch có thể gọi là sát nghĩa. Chúng tôi rất tiếc không đủ thì giờ dựng chú-thích đầy đủ cho « Luc-vân-Tiên ». Đó là một sự thiếu sót lớn. Nếu có những lời chú thích ấy, ta có thể tạo nên rất dễ một chân lịch-sử của cảnh sống ở xã-hội Nam-kỳ, giống như ta thấy ngày nay. Có lẽ về sau, chúng tôi được rảnh-rang mà thi hành việc ấy. Kỳ này, ý định của chúng tôi là chỉ cho ra một đặc-diểm của một lối văn-chương mà chúng tôi tưởng, là xưa đến nay Âu-châu chưa biết đến ».

BẢO ĐẠI-VIỆT T. C

Một năm 9 \$ 00
 Sáu tháng 5 00
 Mỗi số 0 40

Đại-Việt: 12 \$ 00
 và Đại-Việt Tập-chi là 20 \$ 00
 trả tiền trước.

VĂN KỸ-TRẦN
 SAIGON

chuyện xưa tích cũ của ông phong mỹ tục của là những gì xin Tuần-báo».

(On nous pardonnera notre partialité pour ce petit livre, qui, nous l'avouons, nous a été, vivement intéressé. Nous y avons bien reconnu les principaux caractères d'une nation au milieu de laquelle nous avons longtemps vécu, que nous l'avons toujours considéré comme l'une de ces rares productions de l'esprit humain qui ont le grand avantage de représenter fidèlement les sentiments de tout un peuple — C'est uniquement à ce point de vue que nous en offrons au grand public une traduction en quelque sorte littérale. Nous regrettons beaucoup que le temps nous manque absolument pour accompagner le « Luc-vân-Tiên » de beaucoup de notes, dont l'absence pourra sembler quelquefois une grande lacune. Il est très aisé, à l'aide de ces notes, de composer une véritable histoire de la vie sociale au Cochinchine, telle qu'elle existe de nos jours. Peut-être ayons-nous plus tard le loisir de le faire ; notre attention se borne pour cette fois à donner un spécimen d'une littérature qui, nous le croyons, a été jusqu'à ce jour entièrement inconnue en Europe.)

Người Pháp cũng hoan-ngình quyển « Luc-vân-Tiên » hơn, khi biết tác-giả nó là một học-quân-lữ còn sót lại trong một thế-hệ sắp tàn. Vay nên, mãi lâu khen thơ « Luc-vân-Tiên » là người Pháp trình-trong nhờ cụ Nguyễn-đình-Chiêu và kêu gọi Chính-phủ Nam-kỳ cứu giúp cụ trong cảnh lâm than.

Năm 1866, sau khi tiếp được bản-dịch « Luc-vân-Tiên » bằng văn xuôi của ông Aubaret, báo Courier de Saigon, trong số 14 ngày 20 Juillet, có mấy lời này :

« Chúng tôi tiếp được của ông Aubaret, Công-sứ Pháp tại Vong-cát, bản-dịch quốc-ngữ một tập thơ nhỏ (trong ấy ta thấy vẻ tươi sáng và cứng cỏi của những tình-cảm xứng đáng với các dân-tộc lớn lớn.

« Chúng tôi tưởng làm vui lòng bạn đọc mà giới thiệu danh-phẩm này để diễn tả rất khéo những phong-tục và tư-tưởng của một dân-tộc rất đáng để ý về mọi phương-diện.

« Khi ta đọc những trang mộc-mạc và phong-tha này rất được yêu mến ở Nam-kỳ, ta nhận rằng : một khi xa hẳn địa hạt của tôi

Điều Phan-thanh-Giản

Non nước tan-lành, hệ bởi đâu ?
 Dầu dầu mây bạc cõi Ngao-Châu.
 Ba triều công cán vài hàng sớ,
 Sáu tỉnh cương thường một gánh sầu,
 Trăm Bắc ngày chiều tin điệp vắng,
 Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
 Minh sanh chín chữ lòng son tạc,
 Trời đất từ đây mặc gió thu !

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU

từ chương tâu, thuộc-dân Pháp có thể tạo riêng một nền quốc-văn rực rỡ hơn và tự-nhiên hơn, đủ sức để thỏa mãn những đòi hỏi của làm-hồn họ».

(Nous recevons de M. G. Aubaret, Consul de France à Hanoi, la traduction d'un petit poème en langue annamite vulgaire, où l'on trouve une fraîcheur et une énergie de sentiments dignes des nations les mieux douées — Nous croyons faire grand plaisir à nos lecteurs en leur faisant connaître cet ouvrage remarquable, qui peint fidèlement les mœurs et les idées d'une population si intéressante à tous égards. — Quand on lit ses pages naïves et attrayantes qui sont si populaires en Cochinchine, on voit qu'on perdrait les loisirs de la philologie chinoise; les nouveaux sujets de la France pourront cultiver une littérature nationale plus énergique et plus naturelle, capable de satisfaire les besoins de leur cœur et de leur imagination. — Courrier de Saigon n° 14 de 20-7-1866).

Năm 1883, khi biết được tiêu sử và rõ được cảnh-ngộ của cụ Nguyễn-dinh-Chiêu, đang sống trong bóng tối ở Batri, do ông Pillet là một nhà thiết-nghiệp ở Bentre gửi lên, báo « *Indépendant de Saigon* », trong số 172, trang 218, ngày 8 Novembre, có mấy lời kêu gọi thiết-tha này :

« Chúng tôi xin cảm-lạ ông Pillet và những vị khác để có nhã ý cho chúng tôi những tài-liệu của tập thơ được tất cả người Annam yêu mến và chúng tôi tưởng nên thay mặt họ mà xin Chánh-phủ thuộc-địa săn-sóc đến đời sống của vĩ-nhân vô danh ấy. Chúng ta sẽ không xứng-dang với nền văn-minh mà chúng ta thay mặt ở xứ Nam-kỳ, nếu chúng ta để cho một ông lão tài đức như thế phải sống nhọc-nhân trong cảnh khốn cùng bình 141.

« Lại nữa, chúng tôi mong rằng Hội đồng quân-hạt nên khởi đầu cho xuất bản một bản chỉnh-thức, đáng-đắn, hoàn bị, của tập thơ mà những nhà bình-phẩm đả-nhận là sai-sai đến ít nhiều. Bản-dịch ra quốc-ngữ và chữ Pháp phải có kèm theo bản chính bằng chữ nôm.

« Khoản chi tiền sẽ tối thiểu và ta sẽ bảo-đảm được tác-phẩm mà tất cả đều công-nghĩa có một giá-trị to ».

(Nous remercions M. Pillet et les autres personnes qui ont bien voulu nous fournir des renseignements sur le auteur du poème populaire annamite et nous croyons être l'interprète de leur pensée en demandant d'abord que l'existence de ce grand homme inconnu soit assurée au moyen pension qui lui serait payée par la colonie. Il n'est pas digne de la civilisation que nous représentons en Cochinchine, qu'un vieillard de ce mérite végit dans une misère malade plus ou moins pénible.

Ensuite nous voudrions que le Conseil Colonial prit l'initiative d'une publication officielle, correcte et définitive du poème dont les commentateurs reconnaissent tous l'altération. La traduction en quoc-ngũ et celle en français devraient accompagner le texte original en caractères.

La dépense serait minime et l'on conserverait un ouvrage que tout le monde apprécie, comme possédant une grande valeur. — L'Indépendant de Saigon N° 172 du 8 Novembre 1883, page 218).

Lại đến năm 1886, ông Linage, một nhà bán sách ở Saigon, có nhắc một lần nữa chuyện cho in thơ « *Lục-Vân-Tiên* ». Ông có viết cho ông Hội-trưởng Hội-ngữ quân-hạt một bức thơ đề cập đến vấn-đề xin tiền phụ cấp của Chánh-phủ về chuyện ấy :

« Tôi xin ngài vui lòng tỏ với qui vị Nghị-viên quân-hạt một tư-tưởng đã nảy trong trí tôi, sẽ có lợi cho thuộc-địa về phương-diện đồng-hoà, là đem thay thế những sách Hán-văn bằng sách Pháp-văn.

Quyển « *Lục-Vân-Tiên* », một trong những tập thơ được người Annam thích hơn hết, ngày nay chỉ còn bản với bốn dịch chữ latin, bằng một giá mà phần đông quần-chúng đọc giả bôn-xứ không mua nổi. Tôi muốn nói, ở đây, bản dịch của ông Janneau (Paris 1873), giá sáu quan mỗi quyển tại bên Pháp.

Vì vậy, tôi xin bản với Hội-ngữ quân-hạt hãy giúp tôi một số tiền của thuộc-địa dâng cho xuất bản một bản mới, giá rẻ, mà tôi xin hứa trước sẽ chịu hoàn-toàn trách-nhiệm ».

(J'ai l'honneur de vous prier de vouloir bien être mon intermédiaire auprès de Messieurs les Conseillers Coloniaux pour leur faire part d'une idée qui m'est suggérée par l'intérêt qu'aurait, au point de vue de l'assimilation, la colonie à remplacer les livres en caractères chinois par des livres en caractères français. — Le « *Lục-vân-Tiên* », un des poèmes nationaux les plus aimés des Annamites, n'existe plus actuellement en circulation transcrit en caractères latins qu'à un prix inabordable pour la masse ordinaire des lecteurs indigènes. Je veux parler ici de la transcription Janneau (Paris 1873), qui vaut 6 francs l'exemplaire en France.

Je proposerais, en conséquence, au Conseil Colonial de bien vouloir m'accorder l'appui financier de la colonie pour la refonte d'une nouvelle édition à bon marché, dont je me porte par avance responsable pour la bonne exécution).

Nhưng cuộc thương-lượng của ông Linage không được kết quả, nên về sau câu chuyện ấy đành bỏ dở. Rồi hai năm sau đó, ai nấy đều ngậm-ngùi mà đọc một đoạn từ-irish bằng tiếng nầy của quan Chủ-tỉnh Bentre : « Người bôn-xứ ĐĐ-Chiêu, tác giả quyển « *Lục-vân-Tiên* » đã mất tại Batri (làng An-binh-đông) trong đêm 24 tháng năm annam, năm 3 Juillet 1888 ». (L'indigène ĐĐ-Chiêu, auteur du « *Lục-vân-Tiên* » est décédé à Batri (village d'An-binh-đông) dans la nuit du 24 du 5^e mois annamite (3 Juillet 1888). Trông nên nhắc rằng, trong tờ-trình hằng tháng hoặc hằng năm của các quan đầu tỉnh, thường chỉ kể tăng quất số

LỤC-VÂN-TIÊN

ĐÀ XUẤT BẢN



1 — *Lục-Vân-Tiên*, poème populaire annamite, traduit par G. AUBARET, Consul de France à Bangkok — Paris, Imprimerie Impériale, MDCCCLXIV, in-8, pp. 98.

(Extrait n° 1 de l'année 1864 du Journal asiatique).

2 — *Lục-Vân-Tiên*, Bis in chế poem do Duy-minh-Thi soạn từ T. T. TUONG trong nom in: Chèo Hieu các Quảng thành Nam — 1865.

3 — *Lục-Vân-Tiên*, poème populaire annamite transcrit pour la première fois en caractères latins d'après les textes en caractères démocratiques avec des nombreuses notes explicatives par G. JANNEAU — Ouvrage publié par ordre du Contre-Amiral Dupré Gouverneur et Commandant en Chef en Cochinchine. — Paris, Challamel aîné, 1873, in-8, pp. 103 + 3 p.

4 — Les poèmes de l'Annam. — *Lục-Vân-Tiên* et dix. Texte en caractères figuratifs. Transcription en caractères latins et traduction par ABEL DES MICHELS. — Paris, Ernest Leroux, 1883, gr. in-8, pp. XVI-305 + texte autog.

sanh từ trong địa hạt và việc kinh-tế, trật-tự mà thôi. Nhưng cụ Nguyễn-dinh-Chiêu, vì là một người có tài có hạnh, nên rất được lòng ái-mộ của nhà đương cuộc. Đến cuối năm ấy, trong tờ-trình tất-niên, quan chủ-tỉnh lại nhắc lại lần nữa cái chết của cụ ĐĐ.

Năm ấy, cụ đang 73 tuổi, sau khi chịu mù chẵn năm mươi năm, với một đời sống cơ-cực. Nào phải tiếng kêu gọi của làng văn Pháp thuở ấy xin cứu giúp cụ không có tiếng vang đàn. Nhưng vì cụ không chịu nhận điều gì của Chánh-phủ thuộc-địa mới phải như thế.

Trải một khoảng dài, tên tuổi cụ cơ hồ mờ lần trong quên lãng, ngày nay đám hậu-sanh đáng hươg nhắc nhở cụ, tôi mong rằng cuộc kỷ-niệm năm nay sẽ thành cuộc kỷ-niệm hằng năm, qđ cho chúng ta thường được dịp lấy nên hươg giải tức lòng thành với cụ.

TRƯỜNG-SƠN-CHÍ.
(Tân-an-thôn)

Xin đề ty Ang Khương-Việt để vui lòng cho mượn những tài liệu này. — T.S.C.

(Formis le Tome XIX des « Publications de l'Ecole des langues orientales vivantes ».
Notice ; Bull. Soc. Acad. Indochinoise, 24 sér III, 1890, p. 418 par E. G.)

5. — Histoire du Grand Lettré *Lục-Vân-Tiên*, poème populaire annamite. — Traduction libre en vers français par E. BAJOT, Chevalier de l'Ordre Royal du Cambodge. — Ouvrage subventionné par le Conseil Colonial de la Cochinchine française en sa séance du 26 Décembre 1885. — Saigon, Rey et Curioi, 1886, in-8, pp. 14.

6. — Histoire du Grand Lettré *Lục-Vân-Tiên*, poème populaire annamite. — Traduction libre en vers français par Eug. BAJOT Chevalier de l'Ordre Royal du Cambodge. — Œuvre subventionnée par le Conseil Colonial de la Cochinchine française dans sa séance du 28 Décembre 1885. — Paris, Challamel aîné, 1887, in-8, pp. XXIII-223.

7. — N° 1. *Lục-Vân-Tiên* truyện. Poèmes populaires annamites transcrits en quoc-ngũ, précédés d'un résumé analytique du sujet de chacun par P.J.B. TRUONG-VINH-KY. — Saigon, Imprimerie Aug. Beck, 1887, in-12, pp. 79 + 1 f. n. ch.

8. — *Lục-Vân-Tiên* truyện in thơ số 4 cũ lại số 4 mới chú giải chi tiết và truyện tích đời. — Poèmes populaires annamites transcrits en quoc-ngũ précédés d'un résumé analytique du sujet de chacun. 4^e Edition revue, corrigée et augmentée de notes explicatives et historiques par P.J.B. TRUONG-VINH-KY. — Saigon, Claude et Cie Imp. Éditeurs, 1897, in-8, pp. 100.

9. — *Lục-Vân-Tiên*. — Bản cũ soạn lại và thêm Nam Khách par ĐANG-LÊ NGHỊ, publié par Đinh-Thái-Son. In lần thứ nhất (1^{re} édition) (Tous droits réservés). Saigon, Imp. Nam-Tai, 1907, in-8, pp 72.

10. — *Lục-Vân-Tiên* giải nghĩa par TRẦN VINH-QUANG. Publié par Trần công-ĐÔNG. Imprimerie Saigonnaise, 1908, 125 X 19, pp. 89.

11. — *Lục-Vân-Tiên* Phú par VÕ-KIM-THẮM, Employé de Commerce, Saigon. In lần thứ nhất (1^{re} Edition) Giá (prix) : 0\$20. Cấm không ai được in theo bản này (Droit de reproduction réservé). — Saigon, Phát-Toàn, Libraire - Imprimeur, 53-57-59, Rue d'Ormay, 1910, in-8, pp. 23.

12. — *Lục-Vân-Tiên* truyện. — Edité par Renoux. — Saigon, 1910, 155 x 24, pp. 33.

13. — In lần thứ nhất (1^{re} édition) Giá : 0\$15, Prix 0\$15). Bạt ca *Lục-vân-Tiên*. Mời đđi. Sgthứ. Edité par Đệng-thanh-Kim Saigon, Imprimerie-Librairie Huỳnh-kim-Danh, 1918, in 8, pp. 20.

14. — Lục-vân-Tiên. Thơ và có hát Nam-Khách. Bản cũ soạn lại của ĐANG-LÊ-NGHI, Edité par Đinh-thái-Sơn Saigon, Nguyễn-văn-Cổa (Imprimerie de l'Union), 1919, 240 x 155, pp. 37 III.

15. — Lục-vân-Tiên. Bản cũ soạn lại. Saigon, Imp. J. Viêt, 1923, 240 x 160, pp. 64 ; III.

16. — Lục-vân-Tiên rõ tích tân truyện. — Bản chữ nôm. — Hà Nội Tự-văn-Đường tàng bản. Khải-Định IX niên (1924), 122 x 170, 53 tờ.

17. — Lục-vân-Tiên truyện. — Hải-phòng Imp. Văn-Minh, 1924. Edité par Nguyễn-ngọc-Khuan, Dépôt de vente Lib. Ich.Ký Hà Nội, 155 x 110, pp. 96. III.

18. — Lục-vân-Tiên truyện. — Kim-Khue in-quán dịch và in. — Hà Nội, Kim-Khue, 1927, 160 x 120, pp. 96. III.

19. — CHIÊU (Nguyễn-dinh) Lục-v-Tiên. — Poème annamite traduit en français par NGHIÊM (Đỗ-dinh-Nghiêm) et LIÊN (Ngô-vi-liên). Préface de ƯNG-HOÈ. Illustrations de NGUYỄN-ĐÌNH-CHI. — Hà Nội, Imp. Lê-vân-Tân, 1927, 255 x 165, pp. 321, III.

(Tirage à part du Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin. 1927).

20. — Lục-vân-Tiên truyện. — Kim-Khue in-quán dịch và in. 2^e édition. Hà Nội, Kim-Khue in-quán, 1929, 177 x 155, pp. 96.

21. — Lục-Vân-Tiên thơ. — Saigon, Tin-đức Thư-xã 1929, 235 x 155, pp. 43, III.

22. — Lục-Vân-Tiên. — Bản cũ soạn lại. Edité par Phạm-vân-Thinh. — Saigon, Báo-Tôn, 1931, 245 x 155, pp. 26 III.

23. — Lục-Vân-Tiên thơ. — Saigon, Tin-đức Thư-xã xuất bản, 1931, 240 x 155, pp. 28, III.

24. — Đinh (Nguyễn-kim) Thơ Lục-Vân-Tiên. — Xuất bản Nguyễn-dinh-Khương, Saigon, Imp. Báo-Tôn, 1933, 245 x 160, pp. 26. III.

Kẻ lời đồ ngọt người ngoài,
Ai ơi lo lấy tương lai nước nhà.
Hãy làm nên lòng người vị-
kỳ, kẻ nhu nhược, bọn
hủy-báng.

Thượng-tướng PÉTAIN.

25. — Chiêu (Nguyễn-dinh). Thơ Lục-Vân-Tiên. — Chép ra quốc ngữ par Khâu-vũ-Nghi. Edité par Nguyễn-bào-Vinh. Saigon Imp. Xưa Nay, 1938, 245 x 160, pp. 28, III.

26. — Lục-Vân-Tiên. — Edité par Nhi-Thiên-Đường, Saigon S. D. 16 x 24, pp. 34.

27. — Lục-Vân-Tiên truyện. — Edité par Long-Quang, Hà Nội, Rue du Coton, S. D. 110 x 155, pp. 97.

Sách báo nói về Nguyễn-Đình-Chiêu và truyện Lục-Vân-Tiên

1. — HÙM (Phan-văn). — Nội lòng Đỗ Chiêu. — Chợ Lớn, Imprimerie Đông-Phương, 1938, 190 x 125 pp. 116.

2. — Bibliographie. — LỤC - VÂN - TIÊN Journal « Courrier de Saigon » N° 14 du 20 Juillet 1868.

3. — Notes sur NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU et le poème LỤC-VÂN-TIÊN par Michel PONCHON. — Journal « L'Indépendant de Saigon » N° 171-1876, des 6 et 17 Novembre 1883.

4. — Notes sur NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU et le poème LỤC-VÂN-TIÊN par Pillet. — Journal « L'Indépendant de Saigon » N° 172 du 8 Novembre 1883.

5. — CHI (Nguyễn-ngọc). — Một nhà thi-sĩ trẻ danh nước ta : Cụ Nguyễn-dinh-Chiêu làm ra chuyện Lục-vân-Tiên. — Nam-Phong, số 76, Octobre 1923, trg. 308-311.

6. — VÂN-DƯƠNG. — Hoàn-cảnh và văn-chương : giá-trị cuốn Lục-vân-Tiên và Kim-vân-Kiều hơn kém nhau thế nào ? — Văn-học tạp-chí số 14, ngày 15 Mars 1933.

7. — LÊ-THO-XUÂN. — Cụ Nguyễn-dinh-Chiêu. — Tạp-chí Đồng-Nai, số 23-24, 15 Janvier — 1^{er} Février 1933.

8. — GIAO (Trần-văn). — Bản bóng người xưa. — Tạp-chí Mai, số Xuân năm 1937.

9. — TRỰC-THÂN. — Ngày xưa nhớ cũnnon : Nguyễn-Du và Đỗ-Chiêu. — Báo Phòng-sự, Phụ-trương Văn-chương, 1943.

K. V.
sao lục

THƠ' LỤC-VÂN-TIÊN

(Tiếp theo trang 18)

cờ là chỉ tìm nơi mười nhà có học chữ Hán trong vùng Bentre, đã gặp ngay ba bản ấy : một bản còn tốt dường như đã thái hẳn, còn 2 bản nọ rất cũ kỹ, bị mất, giấy bị mối một in có lỗ hang.

Các bản in hoặc dịch xuất bản ở Pháp, chúng tôi rất may mắn được bản ông Jeanneau rất cũ, in năm 1873, 9 năm sau bản dịch của ông Aubaret (1864), 10 năm trước bản dịch của ông Abel des Michels (1883), 15 năm trước ngày mất của cụ Đỗ Chiêu.

Lục bản quốc-ngữ in tại Saigon đáng chú ý nhất là bản cụ Trương-vinh-Ký rất xưa, xuất bản năm 1889, một năm sau khi cụ ĐỖ MẮT, cách nay 54 năm. Kế đó có bản của ông Trần-vinh-Quang in năm 1908, rất giống với bản chữ nôm.

Hết sau hai bản in ở Bắc, vẫn giống nhau, nhưng so-sánh với bản nôm và các bản in ở Nam-kỳ cũng bên Pháp thì có phần khác nhiều. Không có được một bản nào in ở Trung-kỳ. Chúng tôi tự hỏi : ở Trung-kỳ có bản in mà chưa tìm được chăng ?

Để ý tới các bản sách rồi, công việc so sánh của chúng tôi là phải đọc từ đầu chí cuối cả 12 bản đã có sẵn : 12 người, mỗi người một bản, trong tay có sẵn bút giấy, một người đọc to lên từ câu, người người đến đó kỹ, lần lượt biên tất cả những câu có khác một đôi chữ, khác cả câu, hoặc dư hay thiếu cả 5, mười câu. Sau công việc so sánh các bản ấy, chúng tôi quan sát được mấy điều này :

1. — Tựa sách. — Nhiều bản đề tựa sách có in cả

chữ Hán. Chữ LỤC, họ của Vân-Tiên, nhân vật quan hệ nhất trong truyện, viết không giống nhau. Chữ « Lục » nghĩa « trên cạn » đối với dưới nước, nghĩa « sáu » in trong hai bản Jeanneau, Quảng-Thịnh. Chữ « Lục » nghĩa là « cỏ lục, họ Lục » in trong các bản nôm, bản Trương-vinh-Ký, Trần-vinh-Quang, Nguyễn-kim-Đình, Khâu-vũ-Nghi, Phạm-vân-Thinh.

II. — Bản nôm chép và in. — Xét hai bản nôm này có mấy chỗ khác nhau đáng chú ý :

1^o « Truyện Tây-Minh » là nguồn gốc của bản thơ ; mà bản chép viết chữ « Minh » là ghi vào (kim bằng chữ danh), bản in lại chữ « Minh » là « sáng ». Rất tiếc là tìm không được bản truyện chữ Hán « Tây-Minh » được biết rõ chữ « minh » nào mới đúng, lại nhất là được biết rõ nguồn gốc thơ Lục-Vân-Tiên, để hiểu thêm

tâm lý của tác giả, cũng như có người tìm ra nguồn gốc truyện Kiều và truyện Hoa-Tiên.

Nếu « Tây-Minh » viết chữ Minh theo bản chép, thì chỉ thấy bài văn quý giá, đầy triết lý, của Trương-Tái, nhà Tống, trong sách Tánh-lý, chứ không thấy truyện Tây-Minh nào đề tựa thế ấy. Hay là chúng tôi chưa sưu tầm được chăng ?

2^o Phương pháp nôm của hai bản khác nhau. Chỉ xét trong ba tờ đầu sách đã thấy mấy chữ nôm khác thế này :

Chữ hỏi bản chép viết khẩu bằng chữ hội, bản in viết khẩu bằng chữ một.

Chữ *zuông* bản chép viết miêng bằng chữ hạ, bản in viết chữ hạ thay « quít xước ».



Chữ làm bản chép viết chữ thảo, bản in viết chữ in bằng chữ lam.

Chữ gập bản chép viết chữ cạp có nhai nhai, bản in viết chữ cạp chạy "qua xước".

Chữ trong bản chép viết thủ bằng chữ trung, bản in viết bản bằng chữ trung.

Chữ phia bản chép viết chữ phi "nhai nhai", bản in viết chữ phi "nhai nhai".

Lỗi nôm hai bản khác nhau là ra rằng bản chép không phải do bản in mà thảo ra. Thế mà từ đầu chí cuối, câu văn hai bản rất giống nhau, chỉ khác một vài lời nhỏ nhặt thôi.

30 Bản nôm in có nhiều chỗ sai lầm. Nguyên-nhơn là bởi sách nôm mà in Quảng-dông nước Tàu thì nhiều chữ sai lầm không chỉ là lỗi. Vì người Tàu không thể hiểu biết chữ nôm; lại vì không có người mình ở gần để sửa các chữ lầm trong bản khác. Một vài thí dụ chữ lầm:

"Nào ai tình thiết so « hơn làm mình » chữ gì in sai là chữ mình.

"Lâm nguy bất cứu mạc phi anh hùng" chữ mạc là sai.

"Xuống tay liền tả ba câu năm vắn" chữ tam in sai là chữ ba.

Bài thơ Nguyệt-Nga làm, in lầm cho đến sai cả niêm luật:

- "Kiêu xa thiên lý cấp bốn hành,
- "Chàng ngộ Phong-Lai đoạt lộ trình.
- "Thục nữ lâm nguy vô thoát miễn,
- "Quân tử hạnh phúc triển binh sanh".

III. - Về các tài văn. - Xen vào thơ lục bát, chúng tôi thấy các bản khác nhau:

Những bản Jeannet, Trương-vĩnh-Kỳ, Renoux, Nhị-thiên-Hương, Phạm-văn-Thịnh, Khâu-vô-Nghị, không có một bài thi, bài văn nào cả.

Hai bản nôm, bản Nguyễn-kim-Đỉnh có bài thi:

chữ bản, diện ra thì nôm của Nguyệt-Nga, làm đúng cho Văn-Tiên.

Bản Nghiêm-Liền và Quảng-Thịnh ở Bắc-kỳ có cả 3 bài thi: bài của Nguyệt-Nga, bài của Văn-Tiên họa lại, bài của Nguyệt-Nga đề trên vách nhà Bùi-Kiệm, trước khi tách mình ra đi, và bài văn Văn-Tiên tế mẹ.

Bản Trần-vĩnh-Quang, ngoài bài thi ấy, còn có bài văn Nguyệt-Nga tế Văn-Tiên.

Mấy bài thi ở bản nôm và bản quốc-ngữ in ở Nam-kỳ khác hẳn với mấy bài trong hai bản Bắc-kỳ. Ví dụ:

1° Thi Nguyệt-Nga làm trong bản Nghiêm-Liền và Quảng-Thịnh:

- "Tiên ân tử báo niệm hồi hồi,
- "Viên thuật nhứt thì vị tăng lai.
- "Tự tự tràng tình tận bút tã,
- "Ngón ngón hậu ý, cầm văn khai.
- "Kim trân tuy quý khinh do điệp,
- "Đại nghĩa thâm hoài trọng van-bội.
- "Tông thủ ngayện quán tranh giáp đệ,
- "Chiếp kham mã thương cầm « hồi ».

2° Thi Nguyệt-Nga làm trong bản Nguyễn-kim-Đỉnh:

- "Loan xa thiên lý cấp bốn hành,
- "Chàng ngộ Phong-Lai đoạt lộ trình,
- "Thục-nữ lâm nguy vô thoát miễn,
- "Anh hùng đáo xứ triển binh sanh,
- "An tinh lương tự trung trường kết,
- "Tảo tể tam sách mộng mi thành,
- "Tha nhệt băng đoàn thiên vạn lý,
- "Cầm y mã thương thuận phong kinh".

3° Thi Nguyệt-Nga làm trong bản Trần-vĩnh-Quang:

- "Biên xa thiên lý nhứt thân khinh,
- "Chàng ngộ Phong-Lai hán lộ trình,
- "Diệu nguy nan vô tư thất,
- "Hành phúc chấn cứu đắc toan sanh,
- "An tinh lương tự tâm hà giải,
- "Bảo đáp thiên ban ý vị bình,
- "Dục thính ân-nhơn qui cố lý,
- "Hồi trình phụ mẫu đặc tường minh".

PÉTAİN CÁCH-NGON

A-ĐÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP-GIẢI có thể làm một quyển sách đầu giường, một cuốn kinh nhứt tụng cho tất cả mọi người. Sách in khéo, giấy thật tốt, dày 120 trang.

Giá: giấy thường 1\$50 - giấy tốt 3\$00 Do nơi "NAM-KÝ TUẦN-BÁO"

DO PHONG GỖ

Sành sành, sứ, đầu lư, tế bệ, sừng, ngựa ngựa, mè-dại, ghế lác. Ưng TRƯ PHONG GIẢI ĐỘC HƯON của nhà thuốc HAY CANTHO MẠNH-LIÊN. Ưng ít nhuộn tương nhiều thì xỏ. Đền bà sành con có phong đượ giả nỏi không đượ. ướng đườt phong sau sành con nướ đượ. Mua 13 từ 5 \$ 00 khỏt chịu nướ đượ.

Khổng lý thỏi. Giá 0 \$ 60

Bản khắp nơi. Cũn mỗi chỗ một Đại-ly.

IV. - Về đoạn dư thiếu trong các bản.

Số sách các bản thiếu có nhiều đoạn dư trong hai bản nôm, bản Trần-vĩnh-Quang, Nguyễn-kim-Đỉnh, Nghiêm-Liền, Quảng-Thịnh và Abel des Michels. Trá lại, các bản Jeannet, Trương-vĩnh-Kỳ, Renoux, Nhị-thiên-Hương, Phạm-văn-Thịnh, Khâu-vô-Nghị, thiếu cả mấy đoạn sau này:

1° Đoạn nói về thầy Văn-Tiên tinh giả làm thương-quân để giúp đỡ đê:

Bản nôm, Trần-vĩnh-Quang và Nguyễn-kim-Đỉnh.

- "Tôn sư nghĩ lại mấy lời,
- "Còn lo một đđi việc đời chưa xong,
- "Thương chàng họ Lục long đong,
- "Ngày sau chi khỏi vào trong Thương-tông,
- "Phải toan một phép mới xong,
- "Giả làm thương-quân giúp đỡ trong nạn nghèo".

Bản Nghiêm-Liền và Quảng-Thịnh.

- "Tôn sư hiền biết cơ giới,
- "Kót thương đđi đđi việc đời long đong,
- "Phải toan một phép mới xong,
- "Hiện ra lâu quá ở trong chốn này,
- "Tùy nhân linh được sắp đđây,
- "Trợ nguy cứu nạn giúp đđây Văn-Tiên".

2° Đoạn tả tâm tánh Lão-Tiền:

Bản nôm, Trần-vĩnh-Quang và Nguyễn-kim-Đỉnh.

- "Bạc bề cùng lọc với mẹ,
- "Sớm ra cheo rườc, tội về thỏ đđưa,
- "Mặc dầu bữa sớm bữa trưa,
- "Ai phỏng dòi nợ, ai ngừa cày sâu,
- "Nghiêng tai rảnh việc công hầu,
- "Vui cày búa vất, vui bầu rượu chai".

Bản Nghiêm-Liền, Quảng-Thịnh.

- "Tay rừng, lọc nướ, thông đong,
- "Vai còng non nướ, hạn còng hươu nai,
- "Công hầu khauh tường mặc ai,
- "Yên hà, phong nguyệt coi ngoài thích đđây".

3° Đoạn Lục-ông xem tượng Văn-Tiên tại nhà Kiều-công:

Bản nôm, Trần-vĩnh-Quang và Nguyễn-kim-Đỉnh.

- "Cớ sao mà giống đđo hình,
- "E khi mặc phải tội ảnh chi đđây,
- "Kiều-công các việc lở bầy,
- "Lục-ông khi kỷ mới hay sự tình.

- "Công rằng: vì chửi tiền tình,
- "Nỡ quên hai chữ ân tình thuở xưa".

Bản Nghiêm-Liền, Quảng-Thịnh.

- "Cớ sao họa ảnh đđo hình,
- "Hay là mắc phải tội tình chi đđây,
- "Kiều-công khi ấy giải bày,
- "Lục-ông khi ấy mới hay sự tình,
- "Công rằng nghĩa củi đđinh mình,
- "Biết sao giả đđược ân tình ấy cho".

4° Đoạn Sở-vương trích Thái-sư sùng mình:

Bản nôm, Trần-vĩnh-Quang và Nguyễn-kim-Đỉnh.

- "Sở-vương nổi giận trong trào,
- "Thái-sư muốn 'ình bề nào ngày sau,
- "Hay là Đổng-Trác mưu sâu,
- "Nuôi thăng Lữ-Bổ phòng ảu Hồn quạo,
- "Hay là Náo-Tải thời quen,
- "Nuôi thăng Thái-Ngan phòng chuyền nhả Đườc,
- "Hay là An-Thạch thời gian,
- "Nuôi thăng Tống-Biền mong toan Tống-trào",

Bản Nghiêm-Liền, Quảng-Thịnh.

- "Lời đđinh vua mới về tay,
- "Ngự tiền phán hỏi một giáy rạch rời,
- "Tướng rằng trong đạo vua tội,
- "Hay đầu Tể tướng cũng nỏi quyền gian.

- "Cũng loai Đổng-Trác tham làng,
- "Nuôi thăng Lữ-Bổ phòng toan Hán trào,
- "Xưa nay tôi mình biết bao,
- "Thái-sư thời cũng giống Tào-Tháo xưa".

Bản Abel des Michels:

- "Sở-vương phán trước bề tiền,
- "Những ngờ tướng ngộ tôi hiền mà thời,
- "Vây còng đạo chúa nghĩa tôi,
- "Thái-sư ý muốn cướp ngôi chửi trườc,
- "Hán xưa củi giả Đổng-Công,
- "Nuôi thăng Lữ-Bổ cướp đđồng nhà Lữ".

5° Đoạn Nguyệt-Nga từ giả Lão-bà về thăm cha:

Ba mươi câu dư trong bản nôm, bản Trần-vĩnh-Quang. Không một câu nào trong bản Nghiêm-Liền và Quảng-Thịnh.



6° Đoạn Sở-vương nhường ngôi cho Văn-Tiên :

86 câu dư trong bản nôm và Trần-vinh-Quang.

64 câu trong bản Nghiêm-Liễn và Quảng Thịnh, Bản Apel des Michels cũng kể chuyện Sở-vương nhường ngôi cho Văn-Tiên.

Trong các bản Jeanneau, Trương-vinh-Kỳ, Renoux, Nhi-thiên-Đường, Phạm-vân-Thịnh, Khấu-vũ-Nghi đều không có mấy đoạn dư kể trên. Đoạn cuối cùng trong các bản ấy, tới lúc Văn-Tiên cưới Nguyệt-Nga đẩu kết lại mấy câu này giống nhau :

- * Sai gia dĩ xứng sui gia.
- * Rày, mừng hai họ một nhà thành thân.
- * Trăm năm biết mấy tình thân,
- * Sanh con sau gối gót lân đời đời.

Thế thì chuyện Sở-vương nhường ngôi cho Văn-Tiên, trong 12 bản có 6 bản, nói đúng hơn là 7 bản (kể luôn cả bản Apel des Michels mà ông Nghiêm-Liễn có đưa chỗ đi đồng nhiều đoạn trong bản dịch của ông) có là chuyện ấy. Còn 6 bản khác chỉ kể tới chuyện Văn-Tiên cưới Nguyệt-Nga là dứt.

V. — Những chữ và câu khác nhau. Trên kia kể chỗ dư thiếu có quan hệ nhiều. Nếu kể đến các chỗ khác từ một hai tiếng tới một hai câu, thì khoảng khổ hai này không thể cho chúng tôi biên lục tất cả ra đây được. Đại khái xin biên một thí dụ dưới đây về đoạn Trịnh-Hâm mướn hai Văn-Tiên, là đoạn rất truyền tụng trong dân gian :

- 1° Bản nôm và Trần-vinh-Quang :
- * Thứ ba tới thứ Văn-Tiên,
 - * Năm canh ngồi dựa be thuyền thờ than.
 - * Một mình chầu lỵ chưa chán,
 - * Cảm thương phận tớ mắc nạn khi không.
- 2° Bản Jeanneau, Trương-vinh-Kỳ, Phạm-vân-Thịnh, Khấu-vũ-Nghi, Renoux.
- Nhi-thiên-Đường :
- * Thứ ba tới thứ Văn-Tiên,
 - * Năm canh ngồi dựa be thuyền thờ than.
 - * Trong khàn lỵ nhỏ chưa chán,
 - * Cảm thương phận tớ mắc nạn khi không.
- Bản Nguyễn-Kim-Đình :
- * Thứ ba tới thứ Văn-Tiên,
 - * Năm canh ngồi dựa be thuyền thờ than.
 - * Trong khàn lỵ nhỏ chưa chán,
 - * Cảm thương phận tớ mắc nạn khi không.
- Bản Nghiêm-Liễn và Quảng Thịnh :
- * Đoạn này nói chuyện Văn-Tiên,
 - * Năm canh trên trục dưới thuyền thờ than.
 - * Lo hàng giọt lệ chưa chán,
 - * Cảm thương đấng tớ, thác oán cực lòng.

Thấy trên đây nhiều đoạn, nhiều câu khác nhau trong các bản Lục-Vân-Tiên, chúng tôi tự hỏi : do nguyên nhân nào có những chỗ đi đồng ấy ?

Trước hết chúng ta thấy tất mù quàng của tác giả. Cụ Đồ-Chiều chỉ đọc cho người chép bản thảo mà thôi. Sức học người chép không được mấy cao, nên lối nôm rất lăm lường cho tới thếp thoi sai lầm ; thành thử người đọc quá dễ nhận lầm tiếng này ra tiếng nọ.

Đã vậy thêm cái tệ chép ra nhiều lượt, nên nguyên văn phải sai lạc nhiều.

Về thi văn trong thơ Lục-Vân-Tiên, trong các bản có khác nhau, xét ra, nếu chúng tôi không lăm, thì có nhiều nhà xuất bản ở nước ta, từ Nam chí Bắc, chưa biết gì trong nguyên văn của Tiền bối, nên tự mình đặt thêm vào, hoặc tự chữa sửa câu thi, câu văn của tác giả. Trong hai bản in ở Hà-nội, thấy có nhiều câu khác xa với bản chữ nôm và bản quốc-ngữ trong Nam, lại lời thơ có hơi lưu loát, hoá lẽ hơn, chúng tôi rất ngờ là có người đã tự sửa nhiều câu vậy.

Về các đoạn dư hay thiếu, chúng tôi đã rằng cũng có người xen vào tự sửa đổi, thêm bớt.

Vả lại, cụ Đồ-Chiều cũng có thể tự thêm vào đoạn vào chỗ cũ. Vì theo ông E. Bajot, thì thơ Lục-Vân-Tiên có thể ra đời sau khi tác giả bị mù, không bao lâu, lúc dạy học tại binh-vi (Biển-hoà) : thành thử cụ vẫn sống với tác-phẩm của cụ lưu hành trong xứ một khoảng thời gian ít ra cũng 30 năm, trong khoảng ấy cụ có thể chữa sửa, thêm bớt vào bản thảo của mình.

Nhưng bản thảo đầu tiên đã thất lạc, muốn phân tích, phẩm bình một cách chặt chẽ, có phương pháp, khoa học, để phân biệt rõ cái nào của tác-giả sửa, câu nào là của người khác thêm bớt vào, công việc ấy, chúng tôi xin nhường lại cho các bậc cao minh.

Phần chúng tôi xin kết lại bài này với một tấm lòng hy-vọng, mong rằng có người bản cải cho dễ để soạn lại và xuất bản một bản Lục-Vân-Tiên như định rất gần với tư-tưởng và lời văn của tác-giả.

Được vậy, tác-phẩm rất bình dân ấy một bình ảnh rõ rệt của xã hội Việt-Nam xưa, một bài luân lý thực-nghiệm rất quý hoá ở thời gian, mới xứng đáng đứng vào hàng văn-bản quốc-văn cao-dẳng tiểu-học.

NGẠC-XUYẾN

(Trong Ủy-ban Phan-thân)

L U A T N H O N - Q U A

TRONG

Kim Vân-Kiều và Lục Vân-Tiên

(Tiếp theo trong 13)

Vốn con nhà tu như tích đức, văn võ giỏi hai, Lục-Vân-Tiên không may phải mù mắt trái, bao nỗi gian lao ; trong cơn hoàn nạn giữa đường bỗng gặp bạn Trịnh-Hâm, Văn-Tiên tưởng sẽ nhờ bạn lánh cửa với gạo ngô Trịnh-Hâm đem lấy gươm dao, bát Tiều-Đông trôi giữa rừng làm mối cho cạp cạp có lập kế mưu thuyền chở Văn-Tiên về quê quán, thừa cơ hội xô quách xuống sông. Tưởng đến xương gieo miệng cá, song có hương được cộng-nghiệp của cha mẹ là người « tu như tích đức », Văn-Tiên nhờ có « giao-long » đưa đẩy vào bờ, chờ sáng ngày ông chài cứu vớt. Thấm tháy, vừa thoát khỏi sông sâu, Văn-Tiên lại gặp gia-quyển họ Võ bị trớ, nhân tâm đem bỏ trong hang Thương-long. Trong cơn tai biến, Văn-Tiên còn bị một bạn khác, anh chàng Bùi-Kiếm máu dè, oan phần phúc đoạt lấy người yêu.

Đi học đời bão táp, còn mong chỉ rung hiệu báo đèn, song nhờ lòng hiếu trung chí dè, nhờ gặp cái nghiệp lành khi đẹp lú Phong-Lai làm chủ thiên hạ (biệt nghiệp) và nhờ cha mẹ là người tích đức tu như (cộng nghiệp) gây cái nghiệp tốt, cho nên con mắt mù được thuốc tiên cho sáng, rồi về sau hiền đạt công danh, gặp được cha già cùng bạn cũ.

Nếu có lòng cụ hơn chắc oán, Văn-Tiên có thể lấy oán quyền mà trả thù cho dã nư, trả thù rất chính đáng.

Thật vậy, nếu đối với dân-bà « chông chông ai dè ai chịu cho ai » đối với dân ông, một khi mâu ghen đã dậy, đầu cho anh-hung như Từ-Hải còn phải :

« Bất bình nổi giận dâng dâng sấm vang », không hề chỉ Văn-Tiên, sao cho khỏi phát ghen. Mồ thù oan và báo thù là kết quả tự nhiên của ghen tương vậy. Song tâm-dịa thanh-cao, anh hùng há nỡ thù vợ oán cha. Nên Văn-Tiên tha cho anh bạn phần tâm, chỉ bỏ anh « ngồi chài ở mặt như về thịt trâu », không một lời dả động tới.

Đến Trịnh-Hâm, cũng là một bạn phần phúc « dè », đã dùng tâm giết Văn-Tiên dưới ngọn

thủy triều, thế mà Văn-Tiên không nghĩ đến việc trả thù :

« Giết ruồi ai dựng quơm vàng làm chi ? »

Còn mẹ con Võ-Thê-Loan đã « thấy trăng quên đèn », cam tâm bội ước, mà còn đồng lòng toan giết kẻ sĩ gặp bước khốn cùng, đem bỏ trong hang sâu động tối. Thủ này, đối với thủ Trịnh-Hâm, nặng kẻ bằng hai. Vậy mà Văn-Tiên không báo oán, chẳng nặng lời, chỉ nói một cách hiền-hậu :

- « ... Như bát nước đầy »
- « Đổ ngay xuống đất hết rày sao xong. »
- « Oan gia nợ trước trả xong. »
- « Thiếu chi nên nỗi còn mong đến đời ? »

Như thế, ta thấy rõ ràng tác-giả quyên Lục-Vân-Tiên từ đầu chí cuối, để cho họ Lục hoàn toàn đạo đức, không một dịp nào tạo ra nghiệp dữ, bao giờ cũng làm lành, cho nên cuối cùng mới được hưởng quả tốt, mới hiền đạt vinh hoa. Vả tác-giả vẫn không cậy tay người báo thù trả oán, để cho cơ tạo văn xảy, khiến cho Trịnh-Hâm bị cả nước, mẹ con họ Võ bị cạp ăn : cái luật như quả tự nhiên ứng dụng.

Kể về mặt như-quả, so sánh Kim-Vân-Kiều với Lục-Vân-Tiên, ta thấy trong hai tác-phẩm có hai quan niệm khác nhau. Trong Kim-Vân-Kiều, khi thì cụ Nguyễn-Du nói nào là « đạo trời », nào là « tiền định », nào là « hại nhân nhân hại », không quả quyết thuyết nào, không có một chủ-đích duy nhất. Trái lại, trong Lục-Vân-Tiên, cụ Đồ-Chiều bao giờ cũng theo một lý-thuyết duy-nhất : kể hiền gặp lành : làm ác gặp dữ. Cái luật như-quả lúc nào cũng được ứng dụng rõ ràng, đầu cho trong trường hợp cá-nhơn hay là trong trường hợp toàn-thể, mà lúc nào cái luật như-quả cũng ứng dụng tự nó, không hề nhờ cậy tay người. Tại sao thế ? Có phải chăng nhờ cụ Đồ-Chiều thấm hiểu Phật giáo và tại cụ Nguyễn-Du quan niệm tôn-giáo một cách phân vân như phần đông dân-tộc Việt-Nam, vừa theo đạo Nho, vừa theo đạo Phật, mà không lách-bối các lý-thuyết của Phật Đả một cách cao thâm ?

TÓ-PHANG
(Tạp-Đo)

Tâm sự Vân-Tiên (Tặng Ph. H.)

Cành lùn, hờn mờ bóng nguyệt tà.
Giọt mình nghe vắng trống sang ba.
Mỗi sâu lẻo-đẻo ương bên gối ;
Hết nghĩ thân mình, nghĩ nỗi xa.

Nhớ thuở theo thầy giảng chỉ trai :
Sở kính, thao lược, đã nên tài.
Cung trăng đợi bước vin cành quế,
Trong cõi đình-hoàn để hương ai.

Ái đem mạng số cút tòi-hoa !
Bên cửa khoa-danh, khước mẹ già.
Muôn dặm phương trời ngo-ngân bước,
Mấy lần đầu áo lệ dầm xa !

Vất-vả quê người chịn một thân :
Bình đầu đeo-đuôi gói phong trần.
Thưa đi ! Chớ nguyện thành hư-mộng !
Bóng lối chân dần một kiếp xuân.

Tử thân, nghĩ phận hò cho mình :
Biên sách khôn đến nợ đường sinh.
Mỗi mắt thương người trông dựa cửa :
Cột từng quanh-quệ bóng chính-chính.

Một bước ra đi, một đoạn trường !
Tình anh, nợ nước, rồi tơ vương.
Biết Lưu nhân gửi vắng mây trắng
Đem mảnh hồn quê lại có hương.

Nhớ ai khuya sớm dựa phòng không !
Vàng đá, duyên ghi một chữ đồng.
Mây nước liền đưa lời gán-bó :
Phương trời bóng nhận tị mà trông.

Bốn bề mù-mịt giữa cao xanh !
Illieu nghĩa, tình duyên, ngàn nỗi tình !
Một tâm có-thềm chưa giải tỏ,
Tiếng gà đầu đã giục tan canh...

Trăng khuyết, trăng tròn, máng Tào-Công
Tôn-sư lời dạy, vẫn ghi lòng.
Bơ-vơ gương sáng qua cơn bể,
Có thuở danh đề rạng núi sông.

Đã quyết non sông rạng mắt máng,
Phong-trần chỉ cả ở lưng tay ?
Cành bằng đợi thuở nương oai gió,
Vùng vẫy ngang trời chín vạn bay.

Tây-Đồ Cát-Sĩ

Xúc cảnh

Cây cỏ nghi-ngại ngóng gió đông,
Chùa xuân đầu hồi ! có hay không ?
Mây giăng ai bắc trông lin nhạn,
Ngay xế non nam bặt bóng hồng.

Bao giờ thành để ơn soi thấu,
Một trận mưa chiều rửa núi sông.
NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

Chuyện mỗi tuần

Xung nhau mà chẳng gặp nhau

« **L**ục-vân-Tiên* là một cuốn tiểu-thuyết bằng thơ. Nhưng tác-giả là một ông đồ dạy học. Ông không có uy-định làm việc văn-chương và chỉ muốn giảng-câu luận-lý. Bởi lẽ đó nên nhân-vật trong truyện không phải là những người sống như ta thấy trong đời, mà là những người nặn theo quan-niệm riêng của tác-giả.

« **L**ục-vân-Tiên* là hiện thân của hai chữ trung, hiếu. Kieu-nguyệt-Nga là hiện thân của hai chữ tiết, hạnh. Từ-Trực là người bạn trung-hậu. Hồn-Minh là người bạn nghĩa-hiệp. Tiêu-đông là đứa trẻ biết tận-tụy hi-sanh. Lão quân là một bác triết-nhơn :
Nơi non ăn một, công-hầu lảng tai.

Nhưng Lão - quân lại chính là thầy học Vân-Tiên. Mà thầy học Vân-Tiên chính đã mang hết cả đời tâm-hồn và cả tâm-sự của nhà danh-nho Nguyễn-Đình-Chiều.

Nhân-vật của ông hình-dạng tí, nhưng nói-năng nhiều. Mà lại không nói nhiều về tâm-tình, về cảnh ngộ, chỉ nói rờng chuyện nghĩa-lý Thánh-Hiền.

Ông đã làm cho tôi có hơi phải giận Lục-vân-Tiên vì cho chàng là một gã vô-tình thái-thâm.

Ái đời đã cứu cho người ta rồi, biết người ta là gái, mà khi người ta trao chiếc trâm vàng lại nó ngánh mặt không nhìn Giặc núi còn không sợ, sợ chỉ một cái sóng khuyh-thành? Nhưng cũng được đi. Chàng chịu cái ảnh-hưởng quá nặng của thầy nên muốn lánh xa nữ-sắc.

Tuy nhiên, sau khi đã cùng nhau xướng-họa, gán-bó định-ninh, mà về nhà cha báo đi nói vợ là Vô-thê-Loan, chàng cũng không lời thưa

lại, không một phản-động & thâm-tâm, không một ân-hận trong tình-cảm. Thả là nghĩa làm sao ?

Mặc dầu vậy ta cũng không được câu toàn trách-bí ở cụ Đồ, vì cụ chỉ muốn cho Vân-Tiên được nên trung, nên hiếu, mà không cần bất chúng phải đa-cảm, đa-tình.

Bao nhiêu cảm nặng, tình sâu đều để cho một mình Nguyệt-Nga gánh vác hết.

Những nhơn-vật chính, bởi vì cụ thương yêu quá, nên cụ đã vẽ ra cho giống cụ mà cũng bởi thế nên họ mới hiểu mất một chút "yên-đuối" của chàng ta.

Trái lại, những nhơn-vật phụ, những đứa "con hoang" mà cụ đã cho ra đời để phá đám và để làm tăng giá-trị những nhơn-vật nói trên, thì cụ đã vẽ ra một cách sắc-sảo vô linh-hoạt lắm.

Thứ nhất là cô Vô-thê-Loan và anh chàng Hư-Kiểm.

Thê-Loan khi biết Vân-Tiên đẹp trai và học giỏi, tức thì, là-diêm liền đưa ra có lời gán-bó :

... Chàng đạo-linh sư
Xin thương liêu-yếu vẫn vợ chớ tình.
Giọt hồng tâm tử áo xanh,
Đang xa ngàn dặm định-ninh một lời.

Chàng dẫu gặp hội biển-vang,
Tiếp xin vẹn chữ tào-khang đạo hăng.
Xin đừng tham đồ bỏ dăng
Cớ lẽ quên lự, cớ trông quên đen.

Tới khi chàng bị đuổi-mà làm-lũ mà tới nhà nàng, thì nàng lại có lời khác trước :



ĐÃ CÓ BÁN ĐÀO-ĐUY-ANH

KHẢO LUẬN VỀ

KIM-VÂN-KIỆU

Quyển sách đồ hiến nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả Thanh-biên thi-tập và Bắc hành tạp-lục giá 2 \$ 40

VÂN-HÒA

29, Maréchal PÉTAIN - Huế

... Gót đỏ như son,
Xưa nay ai nở đem chôn xuống bùn ?
Có đầu sen, ấu mọc chìm.
Có đầu thanh, khế, sầnh cũng lựu, lê.

Rất mừng dạ Tà-Trực mà bị chàng xai đào-đẽ.

... Ai là Lữ phụng-Tiên
Mà toan đem thoi Điều-Thuyền trêu người ?
Mở chông ngọn cỏ còn tươi,
Lòng nào lòng nở quên lời nguyệt-hoa ?

Vậy mà của dâm vàc mặt đôn Văn-Tiên khi người ta đã công-thành danh-tạí...

Một người đàn-bà như vậy thiệt là hết sức nam-hiêm, nhưng cũng hết sức thông-thường.

Người đó nếu không gặp Văn-Tiên mà gặp Bùi-Kiểm thì thật là xằng-đội vira lừa.

Anh chàng này không tham-độc như Trịnh.

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HỒ LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh hồ lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lăm còn bệnh thiệt nặng như tiếng tác, mệt và nóng lạnh liêu niền tôi cho uống thì chỉ thấy khỏe trong một lúc, không hết; chờ còn như bệnh họ chưa thiệt nặng như nói trên và những chứng họ thường như: họ ra máu; họ khàn, họ đăm, họ già, họ phong vân vân thì uống mau lăm lăm. Còn người bị té, bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay khuyên khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mất quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sinh cũng không mất gì, nên tôi làm ra và chia nhăm mỗi ve uống một tuần thì giá 12\$00. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong tài). Trong hộp có hai thư thuốc uống; 1 thư uống nhuận trường đười đằm trong phổi ra đại trường; 1 thư bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thơ và mandat để:

Monsieur NGUYỄN-VAN-SÁNG
Cụ Hương-giáo làng Tân-Quới
Boite postale n° 10 (CANTHO)

Hôm, người đàn nhân-tâm đời Văn-Tiên xuống nước, nhưng anh ta sống với cái triết-ly rất dễ-dãi, không bao giờ chịu cho đời mình bị buộc bởi lương-tâm.

Nguyệt-Nga tinh-định trời-nổi trời như Bui-công đã gặp chúng và nghe chàng nói chuyện;

Ai từng bái đất mà ngồi chợ trưa.
Làm người sao chẳng tủy cơ ?
Người nay học thói người xưa được nào ?

Ai từng mặc áo không bầu.
Ăn cơm không dưa, ăn trâu không vôi ?
Sao nâng chẳng nghĩ trời lui ?
Cứ đăm bức tượng ngắm coi một mình.

Chinh chuyễn chẳng có đổi đời,
Kiến trính mẫu kiếp, hết đời ra ma.

Người ta chẳng lấy người ta,
Cứ ón bức tượng, một hoa vô vàng.

Những người như Bùi-Kiểm và Thê-Loan, Đồ-Chiêu đã gặp thường ở trung đời và chính là những hạng người cụ ghét cay, ghét đắng.

Ngọn bút thanh-cam của cụ đang là không cấp tới hạng đó làm gì.

Nhưng cụ phải nói tới họ một là nói về mả-mả, hai là nói về mả đổi chiểu. Cho đời giữ công ghét họ bao nhiêu thì lại càng thương yêu và kính-phục bấy nhiêu những con con của cụ là Văn-Tiên, Nguyệt-Nga, Tà-Trực, Hôn-Minh, v. v. .

Tuy nhiên tới còn nghĩ một cách khác về cụ Đồ-Chiêu coi vậy mà tham-đào-đẽ:

Hết thấy non-vật trong Lục-vân-Tiên là con tinh-thần của cụ, đầu gối, đầu ghét, cũng đều hiểu biết tành-nết của chúng nó cả. Cụ biết dư là Thê-Loan phải có chông Bui-Kiểm mới là xằng-đội vira lừa.

Vậy mà cụ không cho chúng nó gặp nhau

Phải tới có vấn-đời như cụ, thì chúng nó sẽ thối-nguyên ba-sanh mà nên cặp uyên-ương bất-tử.

LẠC-QUAN-NHƠN

Muốn biết gốc tích người Việt-Nam, muốn biết «Giadinh tam hương» là ai với ai, muốn biết tại sao có hai tiếng «Hoành, Trâm», xin đọc «Đại-Việt Tập-chí».

NGUYỄN-DÌNH-CHIỂU, THI-SĨ
(Tiếp theo trang 3)

bệnh lãng tai, có nói: « Mùi thơm của bóng hương, bóng huệ khác nào một khúc ca ngâm ». Từ ra ông Trôi, khi đã ăn-cuớp của người một bộ phận, lại đền bù cho người một người cảm-thụ - tức khác thường trong những quan-khác.

Cái nhạc-điệu nó rải rác trong văn Nguyễn-Đình-Chiêu tại nhiều. Ngay trong mấy câu văn loi trêu ở trên, ta đã thấy những tiếng chim hót, ve kêu, cá cười, dè gọi.

Đọc đoạn văn sau đây, chúng ta thấy nó linh-dộng, vui-vo, em-ụp biết chừng nào. Nó là một cảnh hòa nhạc thanh thú: tông reo, chim hót, đàn suối, hoa cười. Cảnh hữu tình thay

Chim diệp, thay ngọn gió đông.
Cáo mai nở thùy, 4 to, g rêu vàng.
Cỏ thơm hớn hờ bết dâng.
Như tiếng tiếng khúc đang hoàng đê đây.
Liều l, chim cút, tìm cây,
Như tiếng chim hót thàn nay đến nhà.
Hải báo có mọc gạo hân,
Như tiếng doi nước giang hồ người sang.
Dưới khe nước chảy ty đàn,
Như tiếng mừng nga nương quạt tích với,
Tâm hoa đua nở một cười,
Như tiếng tiếng 4 gặp người có tài.

(Trích Dương-Từ Hà Mậu)

Nhưng Nguyễn-Dình-Chiêu không phải là nhà văn người mà cụ tụng cái đẹp của thiên nhiên.

Mười mười tuổi dần, thân đã lao đao, xa mẹ lìa cha, rời đại Saigon ra Huế để tạm năm neo tuay luyện tập. Liên-sinh chỉ biết ra công xôi kình, nấu sừ, thì năm hai mươi hai tuổi đã giết được cái tu-tài khoa Quí-miễn ở Gia-định (1846). Tài còn sơ, trí còn thiếu, trên-sinh ra công mại giá mà chờ khoa sau. Khoa sau 1 lòng tiên sinh nào được toại.

« Hiên 4 ngựa chạy còn sa,
Thò vôi lá bóng gà đã gáy ta ».

Vai mang chữ hiên, nên lỡ dở đường công danh, rồi hai mắt mù, thân đeo cổ tết.

Đã buồn cho thân thể, lại buồn thêm vì cảnh non sông, thì bảo tiên-sinh còn thì giữ nào, còn óc não mà nghĩ đến những cảnh vui tươi sáng-rạng.

Văn Nguyễn-Dình-Chiêu tả phong cảnh thi h, mà tả tâm cảnh thì nhiều.

« Cảnh là điều giả dối, phủ-vân, mà tâm mới chân thanh trường cửu ».

Tả tâm cảnh, văn tiên-sinh lại rất lưu-loát,

« Nhưng làm phụ màu hiện sinh,
Nào hay tư-tay 4-mình sớm rồi,
Thiếu chàng be rộng trời dài,
Tuông ưm các vực rồi rồi phỉ can o ».

(Trích Lạc-Vân-Tiên)

Tâm lòng chi hiếu của tiên-sinh lại đã rạch-ròi mà tâm thần của tiên-sinh thật là ugoa ngàn,

« Có thân phật khổ vì thân,
Tồn sao thân 4-cu may tan chẳng may,
Trời cao đại rộng cu h.y,
Ka ve chưa được mấy ngày lại đau,
Người hiền góp phỉ nga sáng,
U 4 rưng lại, cu sau có cây ».

(Trích Lạc-Vân-Tiên)

Cái bệnh của tiên-sinh, cái bệnh nó làm cho « lờ bờ báo hiếu, lờ bờ lập thân » tiên-sinh rui jay lâu lâu xoi:

« Làn ra có lý, tạo kình ghét chỉ nhau,
Ngai đức được bao, anh nang coi uy mới o ».

Già ta cứ tin ở hai câu trong Ngự-tiền văn đáp:

« Thày ta chẳng thông 4 Lớn,
Sung hai câu tài 4-4, 4-4 ».

thi ta tưởng tiên-sinh đã huy tâm thần một cách dễ-dang quá. Sự thiệt nào phải vậy.

Sung hai câu mắt, tiên-sinh cũng rần trị nhưng lẽ số phận bất tiên-sinh phải đại mù, cho nên chẳng gặp thấy, hiệu chiểu thang thuốc, nhưng:

« Mười ngày chẳng bớt thất cho,
Huệ đân-4-4-4-4-4-4-4-4-4-4 ».

mà chưa được một trứng thì ôi thôi, một lần mãn đẹn đã hết bụng đói trông mắt:

« Xa thương đái ngà mị m, 4-4-4-4-4-4-4-4-4-4 ».

Lâm lúc vẫn sơ, óc những mơ mờ, cần khăn một vị thần-tiên giáng thế mà cứu giúp mình:

« Đám năm thấy một đeg tiên,
Đem cho thuốc sống, mắt liền sáng ».

nhưng điều đó chẳng qua là ảo-mộng. Tỉnh giấc mộng, trông về thiệt-tế, tin ở lòng, ở sức, tiên

sinh học thuốc. Biết đâu mình chẳng kiếm được một phương kế, tự trị bình minh. Nhưng tạo-hóa còn nhiều cái khác, mà khoa học chẳng sao thấu nổi.

Đeo dăng trong hai năm trời, vô kể khổ thi. Tiên-sinh danh trở lại Saigon với tấm thân tàng-tật (1850).

Thân thể đã như vậy, mà cái thân thể của Nguyễn-sinh-Chiêu từ đây khác nào thân heo trời sông vó.

Lập một trường để truyền đạo thánh hiền cho sĩ tử, tiểu-sinh vừa nổi tiếng ông đồ, thì cuộc tang thương dồn dập, đất nước loạn-ly cái thân mù lòa chạy về Cần-giộc (1861).

Tiếng tăm từ gùm, dân cư vùn chực, tiên-sinh nào được ở que vợ lâu năm. Sau Saigon, Cần-giộc cũng thay lui. Đây là tiên-sinh tại ra đi, mà lần này ai mà "nơi chân trời góc biển" là đất Ba-ri (Ben-ue) về hướng tây nam bình-hoạn với nỗi lòng chầu xót.

- « Vì câu danh nghĩa phải đi ra,
- « Day mưa thuyên nạn ạt xô xa,
- « Người ư muốn chi vương đất khách,
- « Trời đã mưa vậy mền vua ta,
- « Một phương tha rạch dương gai gộc,
- « Trăm tuổi xin tròn phận tạo da. »...

Bao năm tao uao nơi san Trinh cửa không, Hên-sinh nào bỏ phí cái tài ba. Cái tạo Nho mà tiên-sinh tư kinh tôn sùng, bao giờ tiên-sinh cũng quyết một lòng giữ trọn. Ngoài cái thì giờ găng sạch thanh hiền, tiên-sinh còn làm thơ khuyến thế.

- « Giận đời làm việc đảo điên,
- « Lam thơ khuyến thế miệng liện ngâm chơi. »

Thì mở đầu cuốn Lục-vân-Tiên đã thấy cái dụng tâm của tác-giả.

- « Trai thời trung hiếu tâm đầu,
- « Gai thời tiết hạnh là câu trau mình. »

Luôn luôn tiên-sinh giảng giải những chỗ nguyên-thâm của Nho đạo. Những chi tiết về tam-chương, ngũ-thương, thường được chỉ dẫn một cách rõ-rang:

- « Thành xưa hi n trước để lời,
- « Phò vua giúp nước sửa đời dạy dân.
- « Học cho biết lễ quân thần,
- « Biết phần phụ-lữ, biết phần hiếu-trung.
- « Dạy dỗ tao khả tâm lòng
- « Chế tham của hoạn, đừng mong thoát tá.

- « Nhiều người theo đạo nho ta,
- « Tiếng đồn hơi khó vậy mà làm nhằng.
- « Bởi vì không xét lòng bằng,
- « Bỏ quên cội gốc, theo piảng ngọn ngành. »

(Trích Dương-Từ Hà-Mậu)

Tiên-sinh cõ vô những khi tiết anh hùng:

- « Làm trai trong cõi thế gian,
- « Phò đời giúp nước, phôi gan anh hào,
- « Làm cho rõ mặt trời cao,
- « Nước non biết mặt, thì-tào biết tên. »

(Trích Lục-vân-Tiên)

mà trai lại, tiên-sinh hết sức mặt-sát những điều trái với luân thường, đạo lý.

- « Mả chông ngọn cỏ còn tươi,
- « Lòng nào mà nở lời nguyệt hoa,
- « Hồ thay mặt ngọc đa nga,
- « So loài cầm thú dễ ma khác chi. »

(Trích Lục-vân-Tiên)

Chắc lắm khi trong cái tịch-mịch thanh-vắng của gian nua heo lạnh xa xôi, sao một nỗi buồn mung lung vớ-vẩn chẳng những nảy nở trong tâm hồn bình-hoạn? Nhưng đối cảnh, tiên-sinh lại phải ưu voi cảnh, mà thả hồn thơ vào những cảnh diêm-hu mơ màng, nó là những cảnh thanh-tu ở nơi non tiên nước thâu.

Điều đó, ta đã nhận thấy trong cuốn Lục-vân-Tiên mà ta lại thấy nhiều trong những tác-phẩm sau như Dương-Từ Hà-Mậu, Ngu-Tiên vãn đáp.

- « Chuốt ra hai chén quỳnh tương,
- « Ràng xin gương uống về đường cho an.
- « Từ đây xuống chốn dương gian,
- « Non tiên xa cách khôn đang trở lên.
- « Gặp nhau biết lấy chi dằn,
- « Chút duyên báo nước nào quên tình này.

- « Ngàn năm bóng gió ở đây,
- « Riêng loan chim nhận rõ bày kêu xa. »

(Trích Dương-Từ Hà-Mậu)

Nhân vật ở các tác-phẩm đó, nhiều khi nó là phản ảnh của Nguyễn-dinh-Chiêu và những khi tiết của người trong truyện chỉ là khi tiết của ông Đồ.

Câu trả lời của vị đạo-sĩ trong Dương-Từ Hà-Mậu:

- « Sĩ rãng: trọn đạo thì thôi,
- « Người đời lộ phải trau dồi tính danh.

- « Trời cao đất rộng thình thình,
- « Non xanh nước biếc đã đành phôi pha.
- « Hỡi thi ta phải nói ra,
- « Ba ngàn thế giới ta là vô danh. »

và lời ngu-ông trong Lục-vân-Tiên:

- « Nước trong rửa ruột sạch trơn
- « Một cau danh lợi chỉ sơn lòng đầy.
- « Nay doi, mai vịnh vui vầy
- « Ngày kia hồng gió, đêm này chơi trăng.
- « Một mình thông thả làm ăn
- « Khỏe với chài kéo, mệt quăng câu dằm.
- « Nghêu ngao nay chích mai dằm
- « Một bầu trời đất vui thăm ai hay. »

đã tỏ rằng Nguyễn-dinh-Chiêu là người danh không mang, mà lợi cũng không ham. Suốt đời tiên-sinh chỉ giữ cho trọn đạo với một tấm lòng trong sạch.

Muốn an vui trong cảnh thanh nhàn, muốn trọn đạo mà ngồi giảng năm kinh bốn truyện ở tận nơi góc biển chân trời, nhưng cảnh thế nào có để cho ông đồ được liên-miên trong cảnh mơ lo.

Sự đời như làn nước biển cứ cuốn cuộn từ mãi nơi xa lắc, xa lơ, mà vô vào chung quanh cái nhà tranh vách đất. Những tiếng sóng biển ấy, như những tiếng khóc than kêu gọi một kẻ anh hùng thất thế.

Ấn làm sao nói làm sao bây giờ. Một nỗi tru-phản chí ngộp tràn trong tim óc.

Giận, nên tiên-sinh mới thốt ra những lời gay gắt:

- « Gặp cơn trời tối thả dui
 - « Khởi gay cơn mắt, lại nuôi đặng lòng».
- Xem đoạn văn sau đây đủ rõ tâm-hồn của tiên-sinh lúc trời chiều bóng xế:
- « Thả chơ trước mắt vô nhân,
 - « Chẳng thả ngồi ngoi sịch đầu nghiêng nghẹo.

- « Thả chơ trước mắt tối dằm,
- « Chẳng thả thấy đất lực trầm can qua.

- « Sáng chi theo thói thả cần,
- « Đọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai? »

- « Sáng chi dằm sắc tham tài,
- « Mung lòng nhưn dục mang tai họa trời.
- « Sáng chi sấm nịnh theo đời,
- « Nay vịnh mai nhục mang lời thị phi? »
- « Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi,
- « Thào ngay chẳng biết lời nghi thiên luân? »

(Trích Ngu-Tiên vãn đáp)

Những cái tệ ngấp buda tanh, những nỗi đau thương sâu tủi, cứ theo tiếng tic-tắc đêm bước của thời gian mà gặm mà nhấm gặm óc của một kẻ lỡ thời, đầu đến lúc đầu bạc má nhão, vẫn còn đeo dính.

Người đã thấy già, sức đã thấy yếu, thế mà tin đầu đưa lơ, những hạn tri-âm lại cứ theo nhau chôn vùi dưới ba lấc đất với những mối hận lòng.

Còn mắt mờ ở cái thân khô héo, bao phen đã phải nhỏ những giọt lụy khóc kẻ anh hùng.

- « Ai loàn cho thấu mấy trời sâu? »
- « Sự thế nghe thời đã lúc đầu. »

hoặc:

- « Trăm bắc ngày chiều tin điệp vắng,
- « Thành nam đến quạnh tiếng quyen sâu. »

Sự đã đến thế thì:

- « Thời vậy, thời vậy, thời cùng vậy. »...

Tiên-sinh đã già, cơ thể đã suy nhược, tinh thần có một phần đều cũng không còn sức.

- « Công danh chi nữa ăn rồi ngủ
- « Mặc lượng cao dày xử với dân. »

Thì ngày hai mươi bốn tháng năm, năm Mậu-tí (3 Juillet 1883) tiên-sinh đã nghỉ một việc dài không bao giờ trở dậy.

Còn người kip đảo, thăm-thầy, đau đớn tỵ, hết cả tâm sự, hết cả chí-hướng có lẽ gồm trong hai câu:

- « Sự đời thả khuất đời lòng mắt,
- « Lòng đạo xin tròn một tấm gương. »

nó chỉ là một tiếng thở dài, không cảm hết!

Nhà họa-sĩ, cầm ngọn bút lông ghi chép, tạo ra những cảnh sắc của thiên-nhiên, nhưng cảnh sắc thâu nhập vào tâm hồn bởi hai trống mắt.

Thi-sĩ Nguyễn-dinh-Chiêu cũng đượ ngọn bút lông tả nỗi bi-fát chan chứa trong lòng, rồi bị đất ngấm vào thủy não bởi hai lỗ tai nó đã phải làm hai phần sự: thính quan và giác quan.

Những lời văn ấy nó là một bầu riêng tâm sự, nó là những tiếng nức nở ở cõi lòng.

Cho nên đọc xong những đoạn văn của Nguyễn-dinh-Chiêu, tôi buột miệng nói ra:

Đọc «NAM-KY» chưa đủ
 mà còn phải đọc
 «ĐẠI-VIỆT-TẬP-CHÍ» nữa

« Có ai nghe tiếng không ? »

« Tiếng n-ười mà n-ước n-ữ. »

Tôi đã đem tâm-hồn nghệ-ĩ mà đổ vào Nguyễn-dinh-Chiêu. Tôi đã đem cái màu sắc, cái nhịp-đều, mà dài hơn nữa tôi đã đem những tiếng tơ lòng của ông Đồ mà hay giãi, tiếng tơ lòng nó không như bản đàn êm-ái mà nó có cái khác nào những tiếng gió rít trong lòng thời gian giữa cơn phong ba bão táp.

Vậy ta thử xét cái nghệ-thuật của Nguyễn-dinh-Chiêu ra sao ?

Nguyễn-dinh-Chiêu là một nhà mỹ-thuật có tài, đầu cái tài chưa đến chỗ hoàn-nhĩ. Vì mỹ-thuật phải chứng là sự tạo ra cái đẹp.

Đẹp trước cái đẹp chỉ ở trong những cảnh hay-hoàng rực-rỡ. Trong một người ăn mày mù lòa rách rưới, biết đâu rằng chẳng còn lại một chút hương thơm.

Có cái đẹp lòng-lấy nguy nga, có cái đẹp thâm trầm êm-ái. Lấy sự vật làm cái đẹp, ấy là chủ-nghĩa kẻ yêu đời. Lấy sự khổ làm cái đẹp, ấy là chủ-nghĩa kẻ thương đời, những cái sao cũng là đẹp cả.

Bánh răng nhà mỹ-thuật bao giờ cũng đem tài nghệ ra thờ-phụng cái đẹp, nhưng cái đẹp có nhiều biến đổi tùy theo tính thể, tùy theo tình chất của mỗi người.

Cái đẹp tuyệt đích thì không bao giờ có. Chỉ có cái đẹp hoàn-toàn. Mà bên cái đẹp hoàn-toàn còn nhiều cái chi-đẹp về một phương diện.

Nguyễn-Du là một thi-sĩ đại tài, cái tài ấy là một thiên tài. Nhưng nếu Nguyễn-Du bằng ở trong cảnh ngộ đó là, vị tất cuốn Kim-Vân-Kiều đã xuất bản. Mà bao nhiêu người cũng nắm những chuỗi pay của sự-thế, mà nào đâu những tác-phẩm kiệt-tác trong văn-chương.

Cái đẹp của truyện Kiều là cái đẹp hoàn-toàn. Nguyễn-Du khi thờ-phụng cái đẹp đã cố ý, muốn cho tác-phẩm mình phải đẹp cả hình chất lẫn tinh thần. Cho nên trong cách hành văn, tiên-sinh đã như nhà họa-sĩ thần nhập từ cái lên tạo nên cái là n-ữ, lựa chọn, dùng hồn rỗi chỉ đem vào tác-phẩm mình những đường uyển chuyển, những màu-sắc, những điệu nhịp nhàng, khiến cho tác-phẩm có một hòa-điệu hoàn toàn, đi tới sự hoàn mỹ.

Nguyễn-Du đi tới mục đích.

Nguyễn-dinh-Chiêu cũng đem tài nghệ ra thờ cái đẹp. Nhưng cái đẹp của Nguyễn-dinh-Chiêu chỉ là cái đẹp tinh thần, cái đẹp đạo đức do Nho-giáo mà nảy nở, nên luôn luôn tiên-sinh đem giảng giải, cổ-vớ những tam

ương ngũ thường, cốt đi tới mục-dịch riêng mình, mục-dịch nó hợp với lòng người thời ấy. Còn hình thức ông đã vì cố-tật hay cố ý mà nhằm mắt bỏ qua.

Sự « vụng về », cái « lúng lúng », những chỗ « sống sượng » cũng vì vậy mà có.

Nhưng bên cái vụng-về, ta phải nhận xét những cái đẹp này ở tài năng.

Các ngài muốn một vài thí dụ ? Thì đây :

« Bông thỏ ven mây lồng đất trắng,

« Gương thềm đầy nước về trời xanh ».

Phải chăng là một bức tranh hoàn mỹ.

« Sao hằng một cõi an sinh

« Sông sâu vực thẳm ai giành chỉ ai.

« Theo sóng khúh vẫn khúc dài,

« Dăm ba sợi nhợ một vài cần tre.

« Đêm trăng ngày gió hạn hà,

« Vui câu hát xướng, vui về rượu đào. »

Thật là một cảnh an nhàn thanh thú.

Ta muốn những câu văn cảm khái, trầm hùng ? Tôi xin hiến :

« Đan đơn bầy, mẹ già ngồi khóc trẻ,

« Ngọn đèn khuya leo lét trong lều. »

« Nào nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng,

« Con hồng xé đất-dờ trước ngõ. »

•••

« Những làm lòng nghĩa lâu dòng, đâu biết xác phàm vội bỏ !

« Một chắc sa trắng răng, chữ hạnh, nào hay yên ngựa chớ thay. »

Nguyễn-dinh-Chiêu không lấy lối chơi văn, gọi đùa mà thờ-phụng cái đẹp, tiên-sinh chỉ để trong tác-phẩm mình hết cả tâm-hồn. Cái tình-cảm đặc-biệt đã làm nảy ra trong thi-từ tiên-sinh một lối văn đặc-biệt. Nếu hai mắt không mù, nếu sự đời đời khác, biết đâu tiên-sinh chẳng đi đến chỗ hoàn-toàn.

Nhưng chỉ vì chữ tâm mà văn-tiên-sinh được trường thọ.

Văn-tiên-sinh đã được các nhà văn Pháp khen ngợi.

Ý tưởng của tiên-sinh, được dân chúng mến yêu.

Ngày nay chúng ta còn mộ cái tài ấy, phải chăng cũng chỉ vì hai chữ tâm-hồn.

« Ba-tri từ vắng tiếng hơi chàng

« Gió thổi mưa sâu khé xiết than. »

•••

« Người fy vì ai ra cố ấy

« Chạnh lòng thăm họ nhà người thương ».

Y-ết : NGÔ QUANG-LY

TIÊU-SỬ CỤ

NGUYỄN-DÌNH-CHIÊU

Tiếp theo trang 4

Đầu năm Kỷ-dậu (1849), Tú Chiêu càng hăng-hái học-hành vì đã sắp tới kỳ thi Hương ở trường Thừa (1). Từ khi đỗ Tà-tài, luôn sáu năm đèn sách, phen này Chiêu quyết đầu cao, không chững cao ở hàng Cử-nhơn mà còn muốn cao ở hàng Tấn-sĩ của khoa Canh-tuất.

Bằng một tin sét đánh làm nát cõi lòng ông Tú, làm tan cả cái mộng lớn lao của ông là lấy « bài tử vinh qui » để đáp nghĩa « sanh thành cúc dục ». Tin ấy từ Đồng-nai vira theo ghe bầu ra tới. Tin ấy là tin mẹ ông đã qua đời từ ngày rằm tháng mười một năm trước (Mậu-thân, 1848) và đã an-tang tại phương Tân-triền (2). Chiêu bèn cùng em về Nam, khoa danh đành phải bỏ.

Phần sức khỏe bị giảm bớt vì lần ngày cố học, thiêu nhiều, phần tinh thần bị kích-thích mạnh quá, ông ngã ra đau. Ông phải ghé nhà thầy thuốc Trung ở Quảng nam mà nhờ điều-trị.

Nghe mẹ chết, ông khóc. Nghĩ mẹ chết mà không được có mặt tại nhà, ông càng khóc. Đã thế mà còn thêm bệnh-hoạn bất kỳ, không về được sớm, ông càng khóc lắm. Ông khóc, khóc mãi, khóc thêm mãi..... khóc đến đôi sưng và hai mắt và làm cho hai mắt phải bị đau nặng..... rồi

« Ôi thôi, con mắt đã mang lấy sầu !
« Mệt mà nào thấy chi đâu !

Nói đến sự mù lòa của ông, không ai chắc được là xảy ra ở lúc nào. Nếu theo lời ông Nguyễn-dinh-Chiêu nói « vì đó mà dui » (3) thì ta nghĩ rằng ông hơn khóc quá mà mất sáng-bình, rồi vì phép vệ-sauh kém thiếu ở thời-ly và ở lúc-ly, mắt ông càng bệnh-nặng, thêm gặp lúc nóng bức gồm ghê của Trung-kỳ vào độ tháng sáu tháng bảy — vì theo gió, ghe bầu ra tới độ tháng ba tháng tư — mắt ở-ly không thể chữa được nữa nên ông hóa mù-gòa.

Ta không nên thấy ở tờ đầu quyển Gia-phả có hai chữ « bài tử » về năm Qui-sử

(1853) mà cho rằng năm ấy Nguyễn-dinh-Huy đương ở Gia-dinh và Nguyễn-dinh-Chiêu chưa mù.

Có người đã đoán: Nguyễn-dinh-Huy viết bài tựa fy trong lúc ở đầu cũng được, không đợi là viết ở Saigon. Vậy ta không chắc lúc bấy giờ Huy đương ở Gia-dinh.

Tôi xin thêm: Nguyễn-dinh-Chiêu toàn-tập quyển Gia-phổ ấy trong lúc sáng hay mù cũng được, không đợi là toàn-tập lúc còn sáng. Ông mù thì ông đọc cho em ông viết hay em ông đọc cho ông sửa chữa cũng được. Vậy ta không chắc lúc bấy giờ Chiêu chưa mù.

Điều chắc-chắn là Nguyễn-dinh-Huy về Trung-kỳ rồi mất ở đó, nên hoặc tại đã mù hoặc tại lo chạy giặc mà trong Gia-phổ ông Tú Chiêu không hiến rõ cha mất năm nào, mộ táng tại đâu.

Điều chắc-chắn khác là Nguyễn-dinh-Chiêu lấy hiệu Mạch-Trạch-Phủ hay Trọng-Phủ mà sau khi mù có lấy thêm biệt hiệu là Hối-Trai.

•••

Bã mù, ông Tú Chiêu không còn mong thi-cử nữa. Ông mở trường dạy học tại Saigon. Từ đây, ông Tú Chiêu hóa thành « ông Đồ Chiêu ». Phải chăng lúc này ông ở tại làng Tân-thuận-đông và soạn quyển « Dương-Tử Hà-Mậu », bâng cớ vào bức thơ thể từ-lục của ông Nguyễn-văn-Nghĩa sao-lục và lời dẫn « Khi ở Tân-thuận (hạt Gia-dinh) cụ Đồ Chiêu... gửi bức thơ này cho em » (4) và bâng cớ vào lời ông Nguyễn-dinh-Chiêu thuật rằng ông Đồ đọc cho người bạn là Lê-quang-Thịnh (lời

(1) Một tên lạ: Tô Quý-mạo (1843) tới Kỳ-dậu (1849) đỗ cử nhân thi: Bính-ngũ (1846), Đinh-vi ân-khoa (1847) và Mậu-thân ân-khoa (1848), mà sao Cụ không thí lại cho năm Kỷ-dậu ?

(2) Nay là Cầu-khe.

(3) Các chữ lời Ông Chiêu thi Cụ đương bệnh tại nhà thầy Trung và học thuốc với thầy này, ta có thể nghĩ là lúc fy Cụ ở nhà thầy Trung có năm vì Cụ bệnh-hoạn về nhà ghe bầu về Nam. Có vậy Cụ mới có ngày giờ mù học thuốc. Có vậy Cụ càng thì hồ phận mình làm con mà càng khóc nhiều.

(4) Trong « Nhà ông Đồ Chiêu » trang 95.

đi thi lấy tên là *Cơ* ở làng Tân-thuận-đông (ông Bình-tại-hạ chép bốn *Dương-Từ Hà-Mậu*). Đọc bốn này ta cũng có thể đoán là nó xuất thế lúc Saigon chưa thuộc Pháp vì nó chỉ hình vực nho-giáo mà phần đối các tôn-giáo khác, nhất là Thiên-chúa-giáo.

Đã mù, ông không cưới người vi-hôn-thê con nhà quyền-quí. Mọi người học trò ông ở làng Thanh-ba, huyện Phước-lộc, tỉnh Gia-định (1) tên Lê-lãng-Quỳnh mới thưa với cha mẹ để gả em gái là cô năm Điền cho thầy. Rồi tháng sáu năm Ất-sửu (1855), con gái đầu lòng của bà Hồ là Nguyễn-thị-Hương ra đời, đem lại sự vui-vẻ ấm áp cho gia-dình từ lần buồn tẻ.

Gia-dình của ông chưa hưởng sự vui-vẻ ấm áp được bao lâu thì dùng dùng tiếng súng nổ dậy tại Saigon.

Thì năm Mậu-ngũ (1858), sau khi bắn phá Sơn-trà (2), Pháp-quân chiếm hẳn cửa Hàn (Tourane).

Rồi trong lúc người người vira hạ nêu để lo lễ Thượng-nguồn thì Rigault de Genouilly đánh lấy Lăng-giờ ngày mùng chín tháng giêng năm Kỷ-vị (11-2-1859) và lấy luôn Saigon đúng ở ngày rằm.

Cái cảnh điêu-linh diên-bái hồi ấy thế nào, ta hãy đọc bốn câu trong bài thơ « chạy giặc » của ông thì rõ :

« Bến-Nghé của tiền tan bọt nước,
« Đông-nai tranh ngôi nhuộm máu mảy ».

Ông Hồ Chiêu rồi cũng như ai là phải chạy giặc, phải tránh giặc. Có lẽ về đây ông mới soạn bốn « Lạc-Vân-Tiến » vì ông mong được như Văn-Tiến là mất đi lại sáng.

Chắc-chắn là ông về Thanh-ba khi thành Saigon vừa bị hạ vì theo đạo công-văn của Gia-định Tuần-phủ Đỗ-Quang thì năm Tự-Đức thứ 14, ông ở có tại đó rồi.

Năm này, ngày 13 tháng 11 năm Ấm (14 Dec. 1891), cả họ xứ Cầu-giộc, Tân-an, Gò-công bị Bonard đánh ụp, hai hôm sau, như đêm rằm, nghĩa-quân ba xứ này nhất tề trở kháng.

Về trên này, trong « Quốc-âm thi tập », Paulus Cava nói nghĩa binh chết 45 người, còn trên công-văn, Đỗ-Quang nói 27 người. Sau trận này, Đỗ-Quang dạy Bùi-quang-Diệu điều-lệ nghĩa-quân bị tử-trận; vì vậy mà « có bài văn « Tế nghĩa-sĩ Cầu-giộc » của Hồ Chiêu.

Bài này chẳng những chỉ được chày cùng miền Cầu-giộc mà còn bay khắp cả các tỉnh trong nước do bộ Lê ở Huế truyền đi.

Nghĩa-quân Cầu-giộc bấy giờ không bị nhiều đến học nào, nhưng ngày mà Đốc-binh Lê (người Pháp gọi Quân Lê, làm Cai-tổng từ 1860, dân chúng thấy kiên oai « ến đực ») sẽ giáp hải binh (21 Septembre 1866) thì, khôn kể quân lính tay trơn, chỉ những người có chức-sắc (chefs gradés) mà đến 1.200 ra đầu thú (3).

Nửa năm sau trận này, hoà-ước 5 juin 1866 ký tại Sa-gòn: nước Nam nhượng cho nước Pháp ba tỉnh Biên-hòa, Gia-định, Định-tư-ng.

Cũng là một sĩ phu như ai, Hồ Chiêu rời Cầu-giộc để về Ba-tri với mấy câu lưu-gián:

« Vi câu danh-nghĩa phải đi ra,
« Day mũi thuyền nam dạ xót xa,
« Người dễ muốn chi nương đất khách,
« Trời đã khiến vậy miễn vừa ta.

Đầu ở Cầu-giộc, đầu ở Batri, ông Hồ Chiêu tuy không có đôi mắt sáng-suối, nhưng có khối óc tinh-anh và tấm lòng nặng-nề nợ nước nên thường được các ban đồng-chí phải ngửa lên hỏi-han-y-kiến. Người ta còn nói ông sung vào bộ Tham-mưu của ban. Mà rõ có thể đầu. Ở Cầu-giộc, ông thường đàm-luận với Đốc-binh Lê và thực ng đáp lời của Lãnh-binh Trương-Định mà người Pháp quen gọi « Quân Định.

Tại Ba-tri, Nguyễn-dinh-Chiêu cất nhà ở số nhà việc An-đức bây giờ.

Ông ở yên đó mà dạy học và lần lần soạn quyển « Ngự-Tiểu vấn-đáp », (4)

Nói là yên chỗ nào có yên được. Nhất là sau ngày 24 Juin 1867, ông hay tin Vinh-long An-giang, Hà-tiến đều mất nốt.

Vài tháng sau khắp vùng Ba-tri của ông bị hỏa hải chiến trường nữa. Đốc-binh Phan-công Tông tử trận. Ở cách nhà Nguyễn-dinh-Chiêu

(1) Nay thuộc quận Cầu-giộc, tỉnh Cholon.
(2) Trong Nam các cô là đọc trại ra « Sơn Trà », nhưng ở là Sơn-Trà và tên chữ là Trà-Sơn. Xin coi nguyệt-sử chữ hán và bản dịch hải trường-thiên của Phan-phủ-Từ « Les Phan-thach-Giáo trong Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, trang 82-90, quyển 27, 1941.
(3) Theo Courrier de Saigon, 1866. — (Em út của Hồ Chiêu là Nguyễn-dinh-Hoàn theo đốc-binh Lê và bị tử Cầu-giộc năm Quý-bợi (1841-1863).
(4) Theo lời ông Nguyễn-dinh-Chiêu.



của HỒ BIỂU-CHÁNH

(Trích tập Nguyệt-Nga ngữ thuyết đi qua Phiên-quốc).

Cô cũng muốn làm lơ, nhắm mắt đưa chơn lằm chớ. Ngặt vì : măm ước mong một phút bằng dứt chôi, gái trinh bạch hai lòng đau đành chịu, cho được em. Kim-Liên em ơi, nước bạc thà trao thân liễu yếu, đèn vàng quyết chẳng để danh nhờ. Chữ ân tình cô khó nổi làm ngờ, về Phiên-quốc cô cậy em thay thê.

KIM-LIÊN. — Tiểu-thơ đừng có nghĩ như vậy, không nên đâu.

NGUYỆT-NGA. (mở bức tượng Văn-Tiên ra mà nhìn). — Ai ơi, nếu đó tưởng tình xin chứng chiếu, cho đây hiệp mặt với nhau cùng. Liễu mắt ngay cho vẹn-về thi chung, để xu tiệt thêm thẹn-thù cây cỏ.

NGUYỆT-NGA. — Kim-Liên em này, cô nghĩ lại cô tui cho phần cô lằm em. Dã vô duyên không trọn nghĩa với người ân, còn bạc phận phải liả xa cha mẹ, nửa kià. Giồng nước chảy đưa thuyền phớt-nhẹ, giọt sầu tuông tác dạ bùng-khuàng. Bóng trăng rằm vạc-vạc một vừng, hồn cô-quốc triều-triều nửa tui.

KIM-LIÊN. — Thưa cô, người có ơn bi thối, nước có lúc lớn ròng. Xin tiểu-thơ do mạng an lòng, phú tạo-hóa định phần may rủi.

NGUYỆT-NGA. — Em ơi, mù-mịt tương-lai đầy cát bụi, phát-phơ quá vàng luông bồi-hối.

Đến vài mươi bước, thân đương lằm Hương-giáo tại làng An-bình-đông, đầu đương đội khăn tang cho mẹ. Tổng vì việc nước ra cầm đầu nghĩa-quân. Chẳng may Tổng chết, Nguyễn-dinh-Chiêu ở làm mười bài liên-hoàn ai-điều.

Đến khi Lục-tính đã hơi yên thì vào tháng Novembre năm 1883, quan Chủ-lĩnh Bentre là Michel Pouchon có đến viếng Nguyễn-dinh-Chiêu (1).

Nhưng nội u-uất chắt chửa ở lòng ông ngày ở nhiều, khiến ông mắc phải chứng đau lưng từng cơn rất dữ dội.

Rồi một hôm về mùa thu năm Mậu-tí (1888), tại Batri bỗng có tiếng là « Lửa ! Lửa ! » ! Thôn-dân, cây, dây, gàu, đũa, những đồ đồ sẵn để khi nghe mở thì vác chạy cho mau, đồ xô nhau về phía xảy ra hỏa-hoạn. Ai nấy đều đứng quanh cái nhà là cũ đương cháy rực trời mà than dài mà chắt lưỡi. Người người bảo chuyện nhau : « Lửa cháy tiêu nhà ông Hồ ! Tội nghiệp quá ! Tội nghiệp quá ! ».

Mà ông Hồ có còn đâu lúc ấy !

LÊ-THỌ-XUÂN

(1) Xem bài « Cuộc đời Nguyễn-dinh-Chiêu Michel Pouchon » của Khuông-Việt đăng phía sau.



RHUM

« CLOCHE d'OR » pour digestif ou avec un Soda

« CLOCHE d'ARGENT » pour Cocktails et Punch

Produit des Sucrieries et Raffineries
de HIỆP-HOA

Agents exclusifs : **DENIS FRÈRES**

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur sucre
Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Riganit de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA
CHOLON

Maison LIÊN-HOA

Máy y-phục phụ-nữ và Short trẻ em, nhiều
kiểu rất đẹp, có chemises và áo sơ-mi thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI
N° 108-110 Lagrandière,
gần chợ-mới Saigon
Tél. 21.780

Savon VIỆT-NAM

danh tiếng khắp Đông-Pháp

PHỤC-SẮC-HOÀN và TÀI-XUÂN-HO
1 hộp 1\$20 — Trị dân-bá huyết hư, ki
kỳ không điều, hay đau bụng.

TỬ-THỜI-PHONG-VỎ-TÂN 1 gói 0\$
Trị nóng lạnh, cảm mạo, sốt muỗi,
nhức đầu rất hay

THANH-ĐÀM-TÂN Thuộc họ 1 gói 0\$
Trị các bệnh ho có đờm rất mau chóng

Tổng phát hành :

Nhà thuốc PHỤNG-HOÀNG

N° 9 Route provinciale 15, Giadinh

Có gói bán nhiều chỗ - Cần dùng thêm đợ

Phước duyên

(TRÍCH LỤC TRONG QUYỀN LỤC-VÂN-TIÊN)

Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.
Trăm năm muốn trọn ân tình.
Đương khi hoạn nạn ai đành bỏ nhau.
Dầu cho tài trí bực nào,
Gặp cơn nguy hiểm biết sao mà ngờ.
Ngư rằng : lòng lão chẳng mơ,
Đốc tròn nhưn nghĩa há chờ trả ơn.
Thương dân sao chẳng lập thân,
Đề khi nắng hạ toan phần làm mưa.

SILLI SAIGON

Giá: 0#80